



Luật ĐT số 22/2023/QH15

Cục Quản lý đấu thầu
Bộ Kế hoạch và Đầu tư



CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG





Điều 1. Phạm vi điều chỉnh mới

**Luật
này quy
định**



QLNN đối với hoạt động ĐT

thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, TC, CN trong hoạt động ĐT

hoạt động LCNT thực hiện GT

hoạt động LCNĐT thực hiện DA đầu tư kinh doanh

Điều 2. Đối tượng áp dụng



1. sử dụng vốn NSNN, vốn từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật của các CQNN, ĐVSNCL để:



a) Thực hiện DA đầu tư, ĐT mua sắm của CQNN, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, ĐVSNCL...

b) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; mua hàng dự trữ quốc gia, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, trừ hoạt động mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia

c) Thực hiện các công việc khác phải tổ chức ĐT theo quy định của pháp luật có liên quan



Điều 2. Đối tượng áp dụng

2. Hoạt động LCNT để TH:

- a) Các GT thuộc DA đầu tư của DNNN theo quy định của Luật Doanh nghiệp và doanh nghiệp do DNNN nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- b) GT trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, thiết bị hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của DNNN

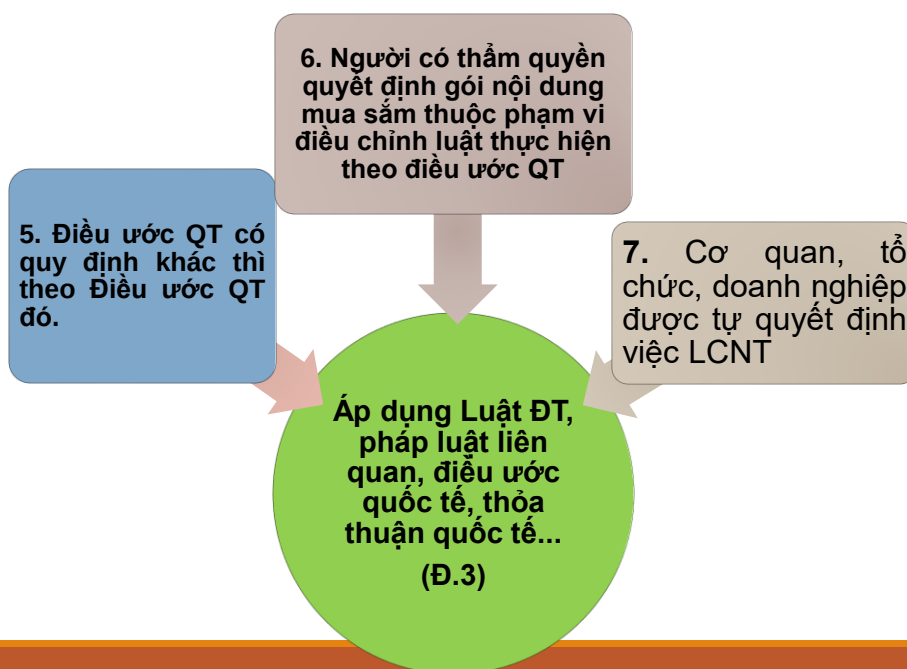
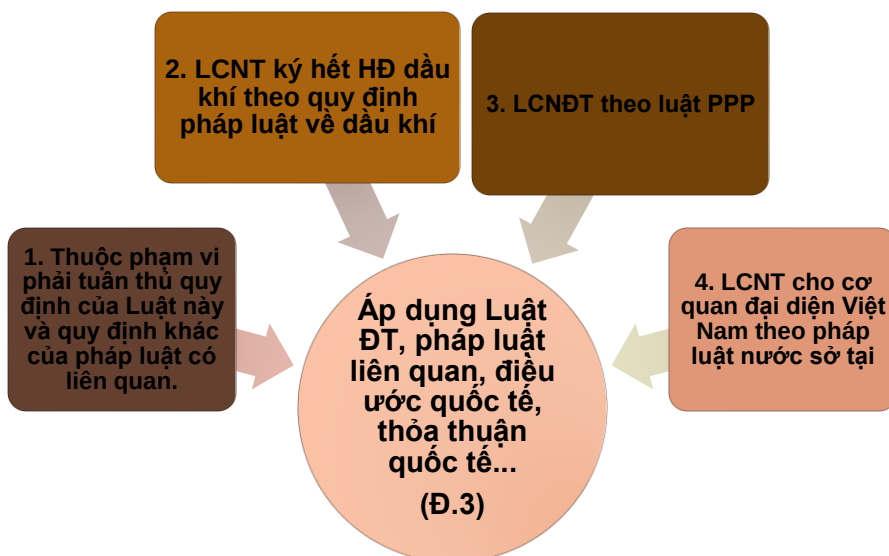
3. Hoạt động LCNT thực hiện DA đầu tư kinh doanh



Đối tượng áp dụng (Đ.2)

- 4. Các TH còn lại được tự quyết định chọn áp dụng toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể của Luật này







Điều 4. Các khái niệm trong LCNT

33 Khái niệm: sắp xếp theo thứ tự Alphabet



TT	Khái niệm	TT	Khái niệm
1	BMT	2	CĐT
3	Danh sách ngắn	4	Dịch vụ tư vấn
5	Dịch vụ phi tư vấn	6	DA đầu tư
7	ĐT mua sắm	8	ĐT
9	ĐT qua mạng	10	ĐTQT

Điều 4. Các khái niệm trong LCNT



TT	Khái niệm	TT	Khái niệm
11	ĐTTN	12	Giá dự thầu
13	Giá đề nghị trúng thầu	14	Giá HĐ
15	GT	16	GT hỗn hợp
17	Hàng hóa	18	Hệ thống mạng ĐT quốc gia
19	Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển	20	Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển
21	HSMT	22	Hồ sơ yêu cầu



Điều 4. Các khái niệm trong LCNT

TT	Khái niệm	TT	Khái niệm
23	HSDT, hồ sơ đề xuất	24	Người có thẩm quyền
25	Nhà đầu tư	26	NT
27	NT phụ	28	NT phụ đặc biệt
29	NT nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài	30	NT trong nước, nhà đầu tư trong nước
31	Thời điểm đóng thầu	32	Thời gian có hiệu lực của HSDT, hồ sơ đề xuất
33	Xây lắp		

Điều 5. TƯ CÁCH HỢP LỆ



1. Tổ chức

- a) Có đăng ký thành lập;
- b) Hạch toán độc lập;
- c) Không đang bị giải thể;
- d) Có tên trên hệ thống trước khi phê duyệt kết quả;
- đ) Bảo đảm cạnh tranh trong ĐT;
- e) Không trong thời gian bị cấm;
- g) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- h) Có tên trong DSN với TH đã lựa chọn được DSN
- i) NT nước ngoài phải liên danh với NT trong nước hoặc sử dụng NT phụ trừ TH NT trong nước không đủ năng lực



Điều 5. TƯ CÁCH HỢP LỆ

2. Hộ kinh doanh	3. Cá nhân
a) Có đăng ký kinh doanh;	a) Có năng lực hành vi dân sự;
b) Không trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi đăng ký kinh doanh	b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp
c) Có tên trên hệ thống trước khi phê duyệt kết quả;	c) Không trong thời gian bị cấm;
d) Bảo đảm cạnh tranh trong ĐT;	d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự
e) Không trong thời gian bị cấm;	

Bảo đảm cạnh tranh trong ĐT (Đ.6)



1. NT nộp HSQT, HSDST	Tư vấn quản lý dự án, giám sát
	Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định HSTK, DT
	Tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ KS, TK
	Tư vấn lập HSMQT, HSMST, đánh giá HSQT, HSDST, thẩm định KQ
	CĐT, BMT (trừ ĐVSNCL có chức năng, nhiệm vụ; CTC, CTTV của TĐ, TCT có ngành nghề KD chính phù hợp





Bảo đảm cạnh tranh trong ĐT (Đ.6)

2. NT tham dự thầu



CĐT, BMT (trừ ĐVSNCL có chức năng, nhiệm vụ; CTC, CTTV của TĐ, TCT có ngành nghề KD chính phù hợp)

Tư vấn quản lý dự án, giám sát

lập, thẩm tra, thẩm định HSTK, DT

Tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ KS, TK

Tư vấn lập, thẩm định HSMT, HSYC; đánh giá HSDT, HSDX; thẩm định KQ

Các NT khác - ĐTHC

Bảo đảm cạnh tranh trong ĐT (Đ.6)



4. NT quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính



a) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập

b) NT với CĐT, BMT không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của nhau

c) NT không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự thầu trong một GT đối với ĐT hạn chế

d) NT tham dự thầu với NT tư vấn cho GT đó không có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên



Bảo đảm cạnh tranh trong ĐT (Đ.6)



3. NT tư vấn giám sát thực hiện HĐ, NT thực hiện HĐ, NT tư vấn kiểm định GT đó



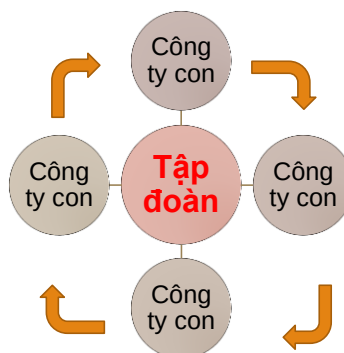
5. NT tư

6. CP hướng dẫn



Bảo đảm cạnh tranh trong ĐT (Đ.2 – ND.63)

CĐT, BMT, trừ TH NT là ĐVSNCL thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất GT của cơ quan quản lý nhà nước đó hoặc là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất GT của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó



Thông tin về ĐT (Đ.7, 8 – L.22)

Thông tin	Trách nhiệm đăng tải
1. Thông tin về LCNT	
a) Thông tin về DA, kế hoạch LCNT	CĐT – trong tối đa 05 ngày làm việc
b) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển	BMT
c) Thông báo mời thầu	BMT
d) Danh sách ngắn	BMT – trong tối đa 05 ngày làm việc
đ) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có)	BMT
e) Kết quả mở thầu đối với ĐT qua mạng	Hệ thống mạng ĐT quốc gia
g) Kết quả LCNT	CĐT – trong tối đa 05 ngày làm việc

Thông tin về ĐT (Đ.7, 8 – L.22)

Thông tin	Trách nhiệm đăng tải
1. Thông tin về LCNT	
h) Thông tin chủ yếu của HĐ	CĐT – trong tối đa 05 ngày làm việc
i) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về ĐT	CĐT – trong tối đa 05 ngày làm việc
k) Thông tin về kết quả thực hiện HĐ của NT	CĐT – NT cập nhật vào HSNL
l) Thông tin khác có liên quan.	CĐT/BMT
2. Thông tin về LCNĐT	
a) Thông tin về DA đầu tư kinh doanh	Cơ quan có thẩm quyền – trong tối đa 05 ngày làm việc
b) Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm; kết quả mời quan tâm	Cơ quan có thẩm quyền

Thông tin về ĐT (Đ.7, 8 – L.22)

Thông tin	Trách nhiệm đăng tải
2. Thông tin về LCNĐT	
c) Thông báo mời thầu, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có)	BMT
d) Kết quả LCNĐT	BMT – trong tối đa 05 ngày làm việc
đ) Thông tin chủ yếu của hợp đồng	BMT – trong tối đa 05 ngày làm việc
e) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về ĐT	Cơ quan có thẩm quyền – trong tối đa 05 ngày làm việc
g) Thông tin khác có liên quan.	
3. DA, GT thuộc danh mục bí mật nhà nước không phải đăng tải trên Hệ thống mạng ĐT quốc gia	

Điều 9. Xử lý và lưu trữ hồ sơ trong quá trình LCNT, NĐT



1. HSDXTC không vượt qua kỹ thuật được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu theo thời hạn sau đây:

a) Tư vấn: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký HĐ với nhà thầu được lựa chọn;

b) Phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp (01 GD 2 Túi) : khi hoàn trả hoặc giải tỏa BDDT của nhà thầu không được lựa chọn hoặc khi đăng tải KQLCNT.

2. HSDXTC của NĐT không vượt qua kỹ thuật được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư khi hoàn trả hoặc giải tỏa BDDT hoặc khi đăng tải KQLCNT

3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà nhà thầu, nhà đầu tư không nhận lại HSDXTC của mình thì BMT xem xét, quyết định việc hủy hồ sơ nhưng phải bảo đảm thông tin không bị tiết lộ

Điều 9. Xử lý và lưu trữ hồ sơ trong quá trình LCNT, NĐT



4. Trường hợp hủy thầu, hồ sơ liên quan được lưu trữ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định hủy thầu được ban hành.

5. Hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn công và tài liệu liên quan đến nhà thầu trúng thầu của GT được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được lưu trữ trong thời hạn tối thiểu là 05 năm kể từ ngày quyết toán HĐ hoặc ngày chấm dứt HĐ dự án đầu tư kinh doanh, trừ hồ sơ quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này.

Ưu đãi trong LCNT, nhà đầu tư (Đ.10 – L.22)



1. Đối tượng hưởng ưu đãi trong LCNT

a) Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam

b) Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

c) NT trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với HSMT

d) NT nước ngoài liên danh với NT trong nước mà NT trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của GT



Ưu đãi trong LCNT, nhà đầu tư (Đ.10 – L.22)

1. Đối tượng hưởng ưu đãi trong LCNT

đ) NT trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với NT trong nước khác khi tham dự ĐTQT;

e) NT là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

g) NT là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật;

h) NT có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên.



Ưu đãi trong LCNT, nhà đầu tư (Đ.10 – L.22)

2. Các ưu đãi trong LCNT

a) Xếp hạng cao hơn trong trường hợp ngang nhau

b) Công thêm điểm – Giá cố định, dựa trên KT, Điểm tổng hợp (NT ưu đãi)

c) Cộng thêm tiền – Giá thấp nhất, giá đánh giá (NT ko ưu đãi) để ss, xh

d) Ưu tiên đánh giá về NL, KN và các tiêu chí khác

đ) GT XL 5 tỷ - nhỏ, siêu nhỏ. Ko có thì tất cả tham dự

Ưu đãi trong LCNT, nhà đầu tư (Đ.10 – L.22)



Đối tượng	Cách tính	Đối tượng	Cách tính
a) Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam	b) Công thêm điểm c) Cộng thêm tiền	đ) NT trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với NT trong nước	b) Công thêm điểm c) Cộng thêm tiền (TV, PTV, XL, HH đấu QT)
b) Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường	b) Công thêm điểm c) Cộng thêm tiền	e) NT là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ	a) xếp hạng cao hơn đ) XL 5 tỷ (XL đấu TN)
c) NT trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam	b) Công thêm điểm c) Cộng thêm tiền	g) NT là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	b) Công thêm điểm c) Cộng thêm tiền
d) NT nước ngoài liên danh với NT trong nước	b) Công thêm điểm c) Cộng thêm tiền (TV, PTV, XL, HH đấu QT)	h) NT có sử dụng số lượng lao động nữ, TB, NTT.. 25%	a) xếp hạng cao hơn (TV, PTV, XL, HH đấu QT)

Ưu đãi trong LCNT, nhà đầu tư (Đ.10 – L.22)



K2 điểm e: Đối với GT mua sắm hàng hoá tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất 03 hãng sản xuất cho 01 mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì CĐT quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hoá xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này

4.5. ưu đãi cho NĐT

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.



ĐTQT (Đ.11)

Việc tổ chức ĐTQT để LCNT được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau

- a) Nhà tài trợ vốn cho DA, GT có yêu cầu tổ chức ĐTQT trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay
- b) GT mà NT trong nước không có khả năng đáp ứng hoặc GT được sơ tuyển, mời quan tâm hoặc ĐT rộng rãi trong nước trước đó nhưng không có NT tham gia
- c) GT cung cấp dịch vụ tư vấn mà người có thẩm quyền xét thấy cần có sự tham gia của NT nước ngoài để nâng cao chất lượng của GT, DA
- d) GT MSHH mà hàng hóa đó trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đáp ứng một trong các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, giá. Trừ hàng hóa thông dụng đã được nhập khẩu và chào bán tại Việt Nam.

Điều 12. Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu

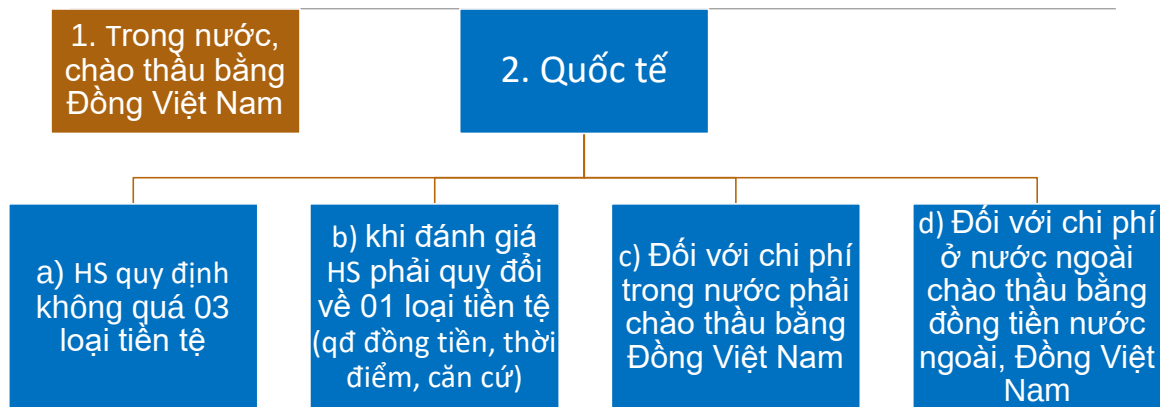


1. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu trong nước là tiếng Việt.

2. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, HSMT, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.



Điều 13. Đồng tiền dự thầu



Bảo đảm dự thầu (Đ.14 – L.22)



Áp dụng

- ĐT rộng rãi (trừ DVTV)
- ĐT hạn chế
- Chào hàng cạnh tranh (trừ CHCT rút gọn)

Thời
điểm

• Trước thời
điểm đóng thầu



Bảo đảm dự thầu (Đ.14 – L.22)

Giá trị

Từ 1% đến 1,5% giá GT áp dụng
đối với GT quy mô nhỏ

Từ 1,5% đến 3% giá GT áp dụng
đối với các GT còn lại

Hiệu lực = hiệu lực của HSDT, HSDX + 30 ngày.

Gia hạn hiệu lực HSDT, HSDX sau thời điểm đóng
thầu, phải gia hạn tương ứng hiệu lực của bảo đảm
dự thầu.

Bảo đảm dự thầu (Đ.14 – L.22)



Hình thức bảo đảm dự thầu

a) Đặt cọc

**b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong
nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được
thành lập theo pháp luật Việt Nam**

**c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của
doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong
nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi
nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp
luật Việt Nam.**



Bảo đảm dự thầu (Đ.14 – L.22)

HOÀN TRẢ

≤ 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt KQ

Giải tỏa sau khi thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện HĐ

KHÔNG HOÀN TRẢ

Rút HSDT, HSDX hoặc từ chối thực hiện GT

Vi phạm quy định trong ĐT

NT được lựa chọn không thực hiện bảo đảm thực hiện HĐ;

NT trong từ chối thương thảo trong thời hạn 05 ngày (trong nước), 10 ngày (quốc tế); từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo HĐ

Bảo đảm dự thầu (Đ.14 – L.22)



KHÔNG HOÀN TRẢ

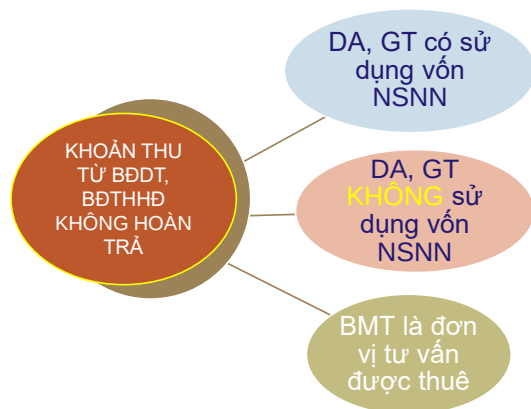
NT không tiến hành hoặc từ chối ký kết HĐ, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với ĐTTN và 20 ngày đối với ĐTQT

Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện HĐ trong thời hạn 15 ngày đối với ĐTTN và 30 ngày đối với ĐTQT

Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối ký kết HĐ trong thời hạn 15 ngày đối với ĐTTN và 30 ngày đối với ĐTQT



KHOẢN THU TỪ BẢO ĐẢM DỰ THẦU, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HĐ K HÔNG ĐƯỢC HOÀN TRẢ



➤ Nộp vào NSNN

➤ Được sử dụng theo quy chế tài chính của CĐT

➤ Nộp lại cho CĐT
➤ CĐT sử dụng khoản thu này theo quy định tương ứng

Chi phí trong LCNT (Đ.15 – L.22)



1. LCNT

- Chuẩn bị và tham dự thầu do NT chịu.
- HSYC, HSMT đối với ĐTTN, HSMQT, HSMST được phát hành miễn phí trên Hệ thống.
- HSMT đối với ĐTQT được phát hành trên Hệ thống, NT NT nộp tiền mua bản điện tử HSMT khi nộp HSDT.

2. ĐT qua mạng

- a) Tham gia, đăng tải và các chi phí khác.
- b) Chi phí tham dự thầu, tổ chức ĐT theo quy định liên quan.



Chi phí trong LCNT (Đ.15 – L.22)

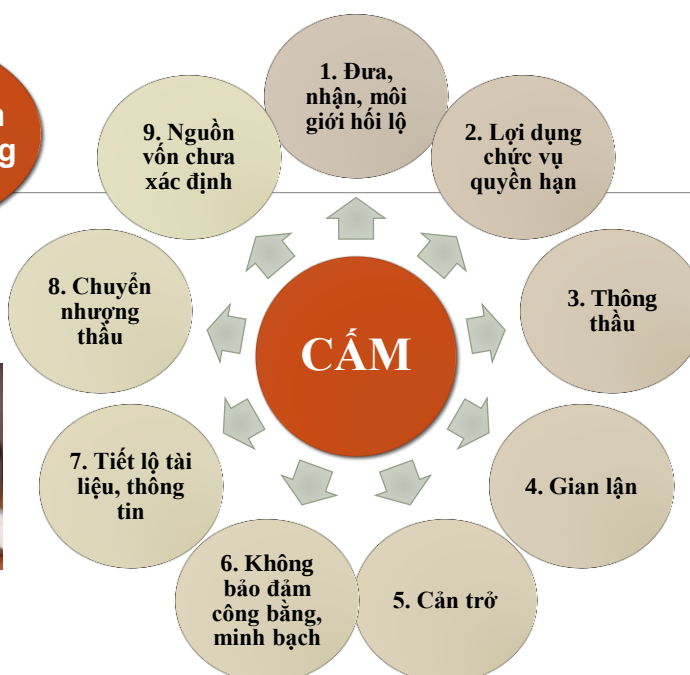
1. LCNĐT

- Chuẩn bị và tham dự thầu do NT chịu.
- HSMQT, HSMT đối với ĐTTN được phát hành miễn phí trên Hệ thống.
- HSMT đối với ĐTQT được phát hành trên Hệ thống, NT NT nộp tiền mua bản điện tử HSMT khi nộp HSDT.

2. ĐT qua mạng

- a) Tham gia, đăng tải và các chi phí khác.
- b) Chi phí tham dự thầu, tổ chức ĐT theo quy định liên quan.

Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu





Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.	2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.	3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây
		a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu
		b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký HĐ thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu
		c) nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được BMT yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu

Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu



4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;
- b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, HSDT, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.



Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây

- a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán
- b) Cản trở người có thẩm quyền, CĐT, BMT, nhà thầu, nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;
- c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
- d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
- đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu



6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Tham dự thầu do mình làm BMT, CĐT hoặc thực hiện nhiệm vụ của BMT, CĐT;
- b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định
- c) Tham gia đánh giá, thẩm định KQ GT, dự án kd
- d) Cá nhân thuộc BMT, CĐT trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu CĐT, BMT đối với các GT, dự án đầu tư kinh doanh do người có quan hệ gia đình theo quy định của [Luật Doanh nghiệp](#) đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu
- đ) Nhà thầu tham dự thầu GT mua sắm HH XL PTV do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, HSMT; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện HĐ
- e) Đứng tên tham dự thầu GT mà mình giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng
- g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định
- h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện
- i) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT gói HH, XL, HH khi ĐTRR, HC, CHCT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật này;
- k) Nêu điều kiện trong HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu, nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 và khoản 2 Điều 48 của Luật này;
- l) Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các GT nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.



Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn NT, NĐT, trừ TH cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của luật này, bao gồm:

- a) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, HSMT, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;
- b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, HSDT, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, HSDT, hồ sơ đề xuất của BMT và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, HSDT, hồ sơ đề xuất; báo cáo của BMT, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, HSDT, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;
- c) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;
- d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu



8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

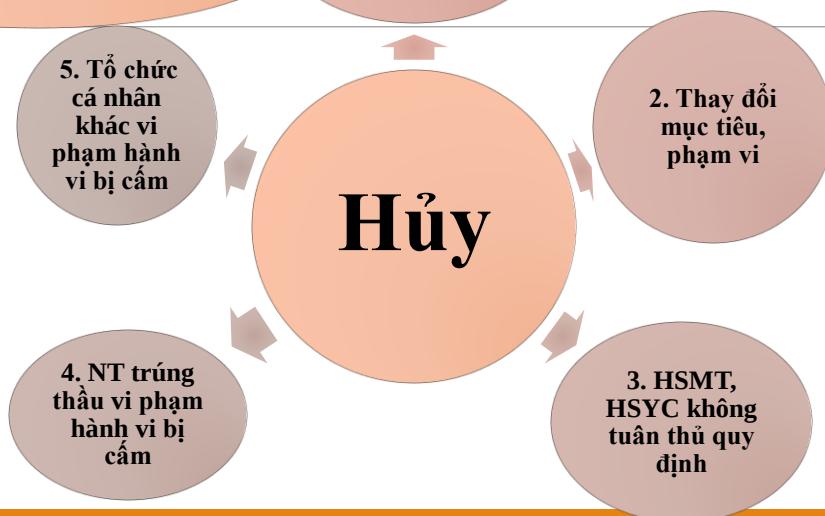
- a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc GT ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong HĐ;
- b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc GT chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong HĐ nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT, hồ sơ đề xuất mà không được CĐT, tư vấn giám sát chấp thuận;
- c) CĐT, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;
- d) CĐT, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong HĐ.

9. TCLCNT khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật



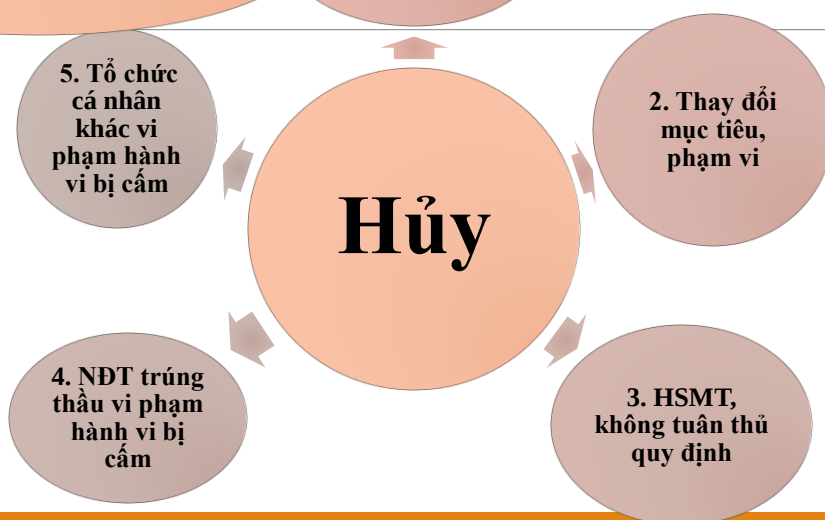
Điều 17. Hủy thầu (LCNT)

1. Tất cả HSDT, HSĐX không đáp ứng.



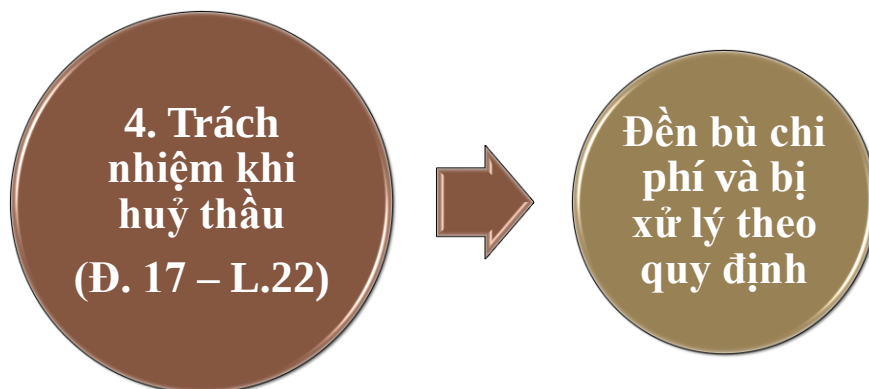
Điều 17. Hủy thầu (LCNĐT)

1. Tất cả HSDT, không đáp ứng.





3. Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, HSMT, hồ sơ yêu cầu đến trước khi ký kết HĐ, thỏa thuận khung đối với mua sắm tập trung.



Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận KQLCNT, NĐT (Đ.18 L.22)



a) Đình chỉ cuộc thầu để tạm dừng các hoạt động LCNT, nhà đầu tư nhằm khắc phục ngay vi phạm đã xảy ra. Đình chỉ cuộc thầu được thực hiện trong quá trình tổ chức LCNT, nhà đầu tư cho đến trước khi phê duyệt kết quả LCNT, nhà đầu tư;

b) Không công nhận kết quả LCNT, nhà đầu tư trong quá trình tổ chức LCNT, nhà đầu tư và quá trình thực hiện HĐ;

c) Xử lý vi phạm trong ĐT theo quy định tại Điều 87 của Luật này.

** Văn bản đình chỉ, không công nhận kết quả LCNT, nhà đầu tư phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian khắc phục vi phạm về ĐT.*



CHƯƠNG II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NT, NĐT

Hình thức LCNT



1. ĐT rộng rãi;
2. ĐT hạn chế;
3. Chỉ định thầu;
4. Chào hàng cạnh tranh;
5. Mua sắm trực tiếp;
6. Tự thực hiện;
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng;
8. Đàm phán giá;
9. LCNT trong TH đặc biệt.

Điều 21. Đấu thầu rộng rãi



1. ĐTRR là hình thức LCNT trong đó không hạn chế số lượng NT tham dự.
2. ĐTRR được áp dụng đối với tất cả các GT, trừ trường hợp quy định tại các điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Luật này. Trường hợp không ĐTRR, văn bản trình duyệt KHLCNT phải nêu rõ lý do không thực hiện ĐTRR; NCTQ quyết định và chịu trách nhiệm về việc không áp dụng ĐTRR.

Điều 22. ĐTHC



ĐTHC là hình thức LCNT trong đó chỉ có một số NT đáp ứng yêu cầu của GT được mời tham dự thầu, áp dụng trong các trường hợp sau đây:

1. GT có yêu cầu cao về KT hoặc KT có tính đặc thù mà chỉ có một số NT đáp ứng yêu cầu của GT;
2. Nhà tài trợ vốn cho DA, GT có yêu cầu ĐTHC trong điều ước QT, thỏa thuận vay nước ngoài.

Điều 23. CĐT



1. CĐT được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) GT cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; GT cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;
- b) GT cung cấp dịch vụ TV, PTV, hàng hoá, XL cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại đến tính mạng và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề;

Điều 23. CĐT



- c) GT cung cấp dịch vụ TV, PTV, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, XL cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, hoặc duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; GT mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; GT mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường;
- d) GT cần thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước;

Điều 23. CĐT



đ) GT cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ NT đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ NT khác; GT mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ NT đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của NT, hãng sản xuất mà không thể mua được từ NT khác, hãng sản xuất khác;

e) GT có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; GT vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong TH phải giao hàng ngay;

Điều 23. CĐT



g) GT cung cấp dịch vụ TV lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; GT thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; GT cung cấp dịch vụ TV lập quy hoạch xây dựng được chỉ định cho tác giả của ý tưởng hoặc đồ án quy hoạch xây dựng đã trúng tuyển thông qua thi tuyển;

h) GT TV, thi công di dời các công trình hạ tầng KT để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; GT TV, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công;

i) GT chỉ có duy nhất một NT thực hiện được trên thị trường do yêu cầu về giải pháp công nghệ;

Điều 23. CĐT



k) GT thuộc DA quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức CĐT theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư DA;

l) GT thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; GT thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra HH tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; GT nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hằng năm;

Điều 23. CĐT



m) GT thuộc dự toán mua sắm có giá GT trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; GT thuộc DA đầu tư của DN nhà nước, DN do DN nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và DA đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: GT cung cấp dịch vụ TV có giá GT trong hạn mức không quá 500 triệu đồng, GT PTV, HH, XL, hỗn hợp có giá GT trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng.

Trường hợp cần điều chỉnh hạn mức quy định tại điểm này để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước, CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 23. CĐT



2. Đối với GT quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, CĐT quyết định, chịu trách nhiệm việc CĐT theo quy trình rút gọn cho NT có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện ngay GT. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện GT, các bên phải hoàn thiện thủ tục CĐT bao gồm các bước sau: chuẩn bị và gửi dự thảo HĐ cho NT; hoàn thiện HĐ; trình, phê duyệt và công khai kết quả LCNT; ký kết và quản lý thực hiện HĐ.

3. Việc thực hiện CĐT đối với GT quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có quyết định đầu tư được phê duyệt đối với DA, trừ GT TV phục vụ công tác chuẩn bị DA;
- b) Có KHLCNT được phê duyệt;
- c) Đã được bố trí vốn để thực hiện GT;
- d) Có dự toán được phê duyệt theo quy định, trừ GT EP, EC, EPC, GT chìa khóa trao tay.

Điều 23. CĐT



4. Đối với GT hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt KHLCNT, dự toán GT, không phải ký HĐ với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Việc CĐT phải được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày phê duyệt HS yêu cầu đến ngày ký kết HĐ; trường hợp GT có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày.

6. Trường hợp GT quy định tại khoản 1 Điều này đáp ứng điều kiện CĐT quy định tại khoản 3 Điều này nhưng vẫn có thể áp dụng các hình thức LCNT khác quy định tại các điều 21, 22, 24 và 25 của Luật này thì khuyến khích NCTQ quyết định áp dụng hình thức khác để LCNT.

7. CP quy định chi tiết điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 24. Chào hàng cạnh tranh



Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với GT có giá GT không quá 05 tỷ đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. GT dịch vụ PTV thông dụng, đơn giản;
2. GT mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính KT được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;
3. GT XL công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;
4. GT hỗn hợp cung cấp HH và XL, trong đó nội dung XL đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 25. Mua sắm trực tiếp



1. MSTT được áp dụng đối với GT mua sắm HH tương tự thuộc DA, dự toán mua sắm của cùng một CĐT hoặc CĐT khác và đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.
2. MSTT được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:
 - a) NT đã trúng thầu thông qua ĐTRR hoặc ĐTHC và đã ký HĐ thực hiện GT trước đó;
 - b) CĐT chỉ được áp dụng MSTT một lần đối với các loại HH thuộc GT và khối lượng từng hạng mục công việc nhỏ hơn 130% so với khối lượng hạng mục tương ứng thuộc GT đã ký HĐ trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm (nếu có);
 - c) Đơn giá của các phần việc thuộc GT áp dụng MSTT không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc GT tương tự đã ký HĐ trước đó, đồng thời, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện HĐ;
 - d) Thời gian từ khi ký HĐ của GT trước đó đến ngày phê duyệt kết quả MSTT không quá 12 tháng.
3. Trường hợp NT thực hiện HĐ trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện GT MSTT thì được áp dụng MSTT đối với NT khác nếu NT đó đáp ứng các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, KT và giá theo HSMT và kết quả LCNT trước đó.

Điều 26. Tự thực hiện



1. CĐT trực tiếp quản lý, sử dụng GT được tự thực hiện GT thuộc DA, dự toán mua sắm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động hoặc ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của GT;
- b) Có năng lực KT, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của GT;
- c) Có phương án khả thi huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện GT.

2. CĐT trực tiếp tự thực hiện GT hoặc giao đơn vị hạch toán phụ thuộc, phòng, ban thuộc TC đó thực hiện.

3. TC, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này không được chuyển nhượng cho TC, CN khác khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc trên 50 tỷ đồng tính trên giá trị công việc quy định tại thỏa thuận giao việc.

Điều 27. Tham gia thực hiện của cộng đồng



Cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ đủ NL tại địa phương nơi có GT được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần GT thuộc CT mục tiêu quốc gia, CT đầu tư công mà Nhà nước và nhân dân cùng làm có giá GT không quá 05 tỷ đồng.

Điều 28. Đàm phán giá



1. Đàm phán giá được áp dụng đối với các GT:
 - a) Mua biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu;
 - b) Mua thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm chỉ có 01 hoặc 02 hãng sản xuất.
2. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định việc áp dụng hình thức đàm phán giá, ban hành danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy định quy trình, thủ tục LCNT đối với các GT áp dụng hình thức đàm phán giá.

Điều 29. LCNT trong trường hợp đặc biệt

Điều kiện áp dụng	Người có thẩm quyền quyết định
a) GT mua thuốc, vắc xin trong quá trình thử nghiệm, có yêu cầu đặc thù của nhà sản xuất về điều kiện mua, thanh toán, bảo lãnh, bảo đảm và điều kiện khác trong quá trình thực hiện HĐ	BT Bộ Y tế
b) GT mua thuốc, vắc xin, thiết bị y tế thông qua các TC QT	BT Bộ Y tế
c) GT có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ	TTCP
d) Lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, CQNN tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc QT	BT, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch UBND
đ) Các GT về đào tạo chuyên sâu cho các CQNN, ĐVSNNCL do các cơ sở đào tạo nước ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; mua vé máy bay cho các đoàn đi công tác TN và QT; GT đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao	BT, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch UBND

Điều 29. LCNT trong trường hợp đặc biệt

Điều kiện áp dụng	Người có thẩm quyền quyết định
e) Các GT thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, bao gồm: tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí tuyên truyền trực tiếp ký HĐ với các cơ quan này để thực hiện; TC các CT nghệ thuật đặc biệt; hợp tác sản xuất phim	BT, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch UBND
g) GT sản xuất và lắp đặt sân khấu phục vụ sản xuất CT phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; thuê địa điểm để TC sản xuất, ghi hình các CT mang tính nghệ thuật cao	BT, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch UBND
h) GT cung cấp dịch vụ in ấn, cung cấp các loại tem, biên lai, niêm phong theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan; GT mua chó nghiệp vụ, đào tạo chó nghiệp vụ, mua ma túy, chất nổ, mẫu tẩm nguồn hơi ma túy, chất nổ để huấn luyện chó nghiệp vụ	BT, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch UBND
i) Trường hợp DA, GT có các điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí LCNT, điều kiện ký kết và thực hiện HĐ không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này, CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung trường hợp áp dụng hình thức LCNT trong trường hợp đặc biệt	

Điều 29. LCNT trong trường hợp đặc biệt

3. Văn bản đề nghị phê duyệt phương án LCNT trong trường hợp đặc biệt phải nêu rõ lý do không thể đáp ứng điều kiện về LCNT quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này.

4. CP quy định chi tiết HS, quy trình, thủ tục LCNT trong trường hợp đặc biệt.



Điều 30. Phương thức 1 GĐ 1 túi HS

2. NT nộp HSDT, HS đề xuất gồm đề xuất về KT và đề xuất về TC theo yêu cầu của HSMT, HS yêu cầu.

3. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ HSDT, HS đề xuất.

a) ĐTRR, ĐTHC đối với GT cung cấp dịch vụ PTV, mua sắm HH, XL, hỗn hợp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật này

b) Chào hàng cạnh tranh đối với GT cung cấp dịch vụ PTV, mua sắm HH, XL, GT hỗn hợp cung cấp HH và XL

c) CĐT đối với GT cung cấp dịch vụ TV, dịch vụ PTV, mua sắm HH, XL, hỗn hợp

d) MSTT đối với GT mua sắm HH



Điều 31. Phương thức 1 GĐ 2 túi HS

2. NT nộp đồng thời HS đề xuất về KT và HS đề xuất về TC riêng biệt theo yêu cầu của HSMT.

3. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. HS đề xuất về KT sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. NT đáp ứng yêu cầu về KT sẽ được mở HS đề xuất về TC để đánh giá.

a) ĐTRR, ĐTHC đối với gói thầu cung cấp dịch vụ TV;

b) ĐTRR, ĐTHC đối với gói thầu cung cấp dịch vụ PTV, mua sắm HH, XL, hỗn hợp đòi hỏi KT cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ



Điều 31. Phương thức 2 GĐ 1 túi HS

1. Phương thức hai GĐ một túi HS được áp dụng trong trường hợp ĐTRR, ĐTHC đối với GT mua sắm HH, XL, hỗn hợp mà chưa xác định được chính xác các yêu cầu KT cụ thể, đầy đủ cho GT tại thời điểm TC ĐT
2. Trong GĐ một, NT nộp HS đề xuất về KT không bao gồm giá dự thầu theo yêu cầu của HSMT căn cứ thiết kế cơ sở hoặc thông số KT của GT. NT được phép đề xuất phương án thay thế cho nội dung yêu cầu trong HSMT nhưng phải chào thành phương án riêng cùng với phương án KT chính theo yêu cầu của HSMT. HS đề xuất về KT sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. NT có HS đề xuất về KT đáp ứng yêu cầu của HSMT GĐ một được mời tham dự thầu GĐ hai
3. Trong GĐ hai, quy trình LCNT được thực hiện như sau:
 - a) NT trong danh sách đạt yêu cầu GĐ một được mời làm rõ HS đề xuất về KT. Nội dung làm rõ đề xuất về KT bao gồm việc CĐT, BMT yêu cầu NT điều chỉnh đề xuất về KT GĐ một. NT được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung HSMT
 - b) Trên cơ sở nội dung làm rõ đề xuất về KT với từng NT, HSMT GĐ một được điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn NT, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu KT, điều kiện HD và các nội dung khác để hình thành HSMT GĐ hai, kể cả các sai lệch về KT của NT đã được chấp nhận, đề xuất trong phương án thay thế của NT đã được chấp nhận
 - c) NT nộp HSDT bao gồm đề xuất về KT và đề xuất về TC theo yêu cầu của HSMT GĐ hai, trong đó có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu trên cơ sở nội dung điều chỉnh đề xuất về KT GĐ một theo quy định tại điểm a khoản này. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ HSDT

Điều 31. Phương thức 2 GĐ 2 túi HS



1. Phương thức hai GĐ hai túi HS được áp dụng trong trường hợp ĐTRR, ĐTHC đối với GT mua sắm HH, XL, hỗn hợp có KT, công nghệ mới, phức tạp, có tính đặc thù mà chưa xác định được chính xác các yêu cầu KT cụ thể, đầy đủ cho GT tại thời điểm TC ĐT
2. Trong GĐ một, NT nộp HS đề xuất về KT không bao gồm giá dự thầu theo yêu cầu của HSMT căn cứ thiết kế cơ sở hoặc thông số KT của GT. NT được phép đề xuất phương án thay thế cho nội dung yêu cầu trong HSMT nhưng phải chào thành phương án riêng cùng với phương án KT chính theo yêu cầu của HSMT. HS đề xuất về KT sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. NT có HS đề xuất về KT đáp ứng yêu cầu của HSMT GĐ một được mời tham dự thầu GĐ hai
3. Trong GĐ hai, quy trình LCNT được thực hiện như sau:
 - a) NT trong danh sách đạt yêu cầu GĐ một được mời làm rõ HS đề xuất về KT. Nội dung làm rõ đề xuất về KT bao gồm việc CĐT, BMT yêu cầu NT điều chỉnh đề xuất về KT GĐ một. NT được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung HSMT
 - b) Trên cơ sở nội dung làm rõ đề xuất về KT với từng NT, HSMT GĐ một được điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn NT, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu KT, điều kiện HD và các nội dung khác để hình thành HSMT GĐ hai, kể cả các sai lệch về KT của NT đã được chấp nhận, đề xuất trong phương án thay thế của NT đã được chấp nhận
 - c) NT nộp HSDT bao gồm đề xuất về KT và đề xuất về TC riêng biệt theo yêu cầu của HSMT GĐ hai, trong đó có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu. HS đề xuất TC được chào tương ứng theo phương án đề xuất KT chính của NT; trường hợp NT chào phương án KT thay thế thì phải gửi kèm theo phần đề xuất TC cho phương án thay thế này. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. HS đề xuất về KT sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. NT đáp ứng yêu cầu về KT sẽ được mở HS đề xuất về TC để đánh giá



CHƯƠNG III

KẾ HOẠCH LCNT

Điều 36. KH tổng thể LCNT cho DA



1. Căn cứ quy mô, tính chất công tác ĐT của DA, CĐT hoặc cơ quan chuẩn bị DA trình NCTQ xem xét, quyết định việc TC lập, PD KH

2. KH được lập đồng thời hoặc độc lập với BCNCKT và được phê duyệt **sau** khi BCNCKT được phê duyệt.

3. KH gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Xem xét bối cảnh thực hiện DA đối với công tác ĐT;
- b) Đánh giá NL, nguồn lực và kinh nghiệm của CĐT đối với việc thực hiện các hoạt động ĐT của DA;
- c) Phân tích thị trường và xác định rủi ro trong ĐT;
- d) Mục tiêu cụ thể của hoạt động ĐT;
- đ) Đề xuất KH cho DA bao gồm: phân chia DA thành các GT; hình thức và phương thức LCNT; loại HĐ, nguyên tắc phân chia quản lý rủi ro; tiến độ thực hiện các công việc chính, GT; các nội dung khác cần lưu ý trong soạn thảo HSMT, quản lý thực hiện HĐ.

4. CP quy định chi tiết Điều này



Điều 37. Nguyên tắc lập KHLCNT

1. KH lập cho toàn bộ DA, DTMS. ĐV DTMS, KH có thể được lập trên cơ sở DTMS của năm NS và dự kiến DTMS của các năm NS tiếp theo. TH chưa đủ điều kiện lập KH cho toàn bộ DA, DTMS thì lập KH cho 1 hoặc 1 số GT để thực hiện trước

2. TH GT có time thực hiện dài hơn 01 năm, KHLCNT phải nêu rõ time thực hiện GT, giá GT trên cơ sở toàn bộ time thực hiện GT.

3. KH phải ghi rõ số lượng GT và nội dung của từng GT

4. Việc phê duyệt KH phải căn cứ theo tính chất KT, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của DA, DTMS và phù hợp với KH tổng thể LCNT được duyệt (nếu có)

5. KH được lập sau khi có DTMS, quyết định phê duyệt DA hoặc đồng thời với quá trình lập DA, DTMS hoặc trước khi có quyết định phê duyệt DA đối với GT cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt DA

CĂN CỨ LẬP KHLCNT



1. Căn cứ đối với DA:

a) QĐ phê duyệt DA, trừ TH GT cần thực hiện trước khi phê duyệt DA

b) KH tổng thể LCNT (nếu có)

c) DA đã được giao KH đầu tư công trung hạn, trừ TH DA đầu tư công khẩn cấp theo quy định ĐTC

d) KH bố trí vốn hoặc nguồn vốn không thuộc điểm c

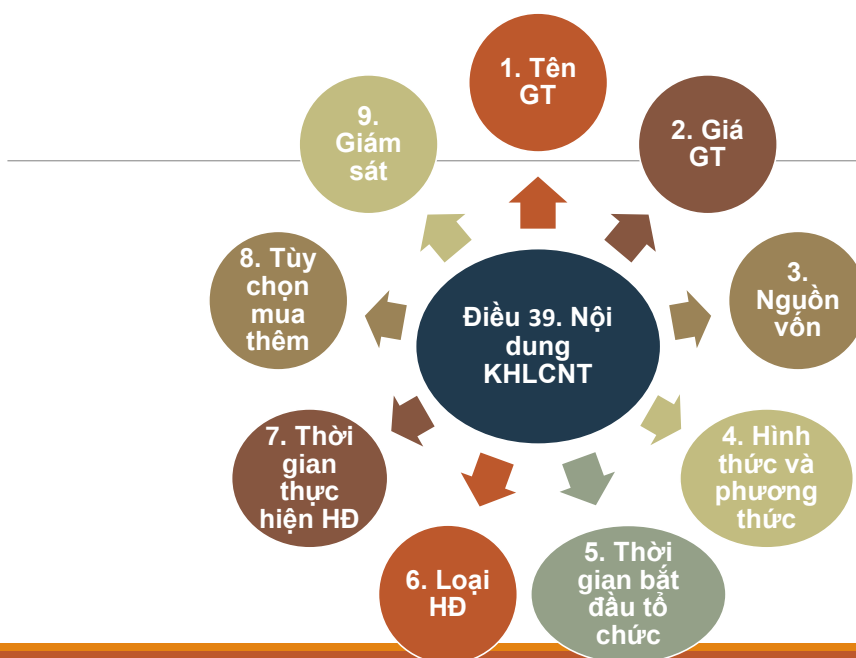
e) Điều ước, thỏa thuận QT

2. Căn cứ đối với DT mua sắm:

a) Tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị (nếu có)

b) DT mua sắm

c) Văn bản liên quan



Điều 39. Nội dung KHLCNT



1. Tên GT: Tên GT thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi công việc của GT. TH GT gồm nhiều phần riêng biệt, KHLCNT cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần

2. Giá GT:

- a) Giá GT là giá trị của GT được phê duyệt trong KHLCNT. Giá GT bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện GT, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. Giá GT được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết;
- b) Đối với GT chia phần thì ghi rõ giá GT và giá ước tính cho từng phần trong giá GT;
- c) Đối với GT áp dụng tùy chọn mua thêm quy định tại khoản 8 Điều này, giá GT không bao gồm giá trị của tùy chọn mua thêm.

CP quy định chi tiết về nội dung giá GT trong KHLCNT

3. Nguồn vốn: Đối với mỗi GT phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt. TH sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng TN. Đối với DTMS, TH GT có time thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở DTMS của năm NS và dự kiến DTMS của các năm NS tiếp theo.

4. Hình thức và phương thức LCNT:

- a) Đối với mỗi GT phải xác định cụ thể hình thức và phương thức LCNT; LCNT TN hoặc QT; áp dụng hoặc không áp dụng LCNT qua mạng;
- b) Đối với DA áp dụng KHL tổng thể LCNT, ghi theo nội dung phù hợp với KHL tổng thể LCNT.



Điều 39. Nội dung KHLCNT

5. Time TC LCNT: KH phải nêu rõ time TC LCNT và time bắt đầu TC LCNT. Time bắt đầu TC LCNT được tính từ khi phát hành HSMT, HS yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm. TH ĐTRR có áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, time bắt đầu TC LCNT được tính từ khi phát hành HS mời QT, HS mời ST.

6. Loại HĐ:

- a) KHLCNT phải xác định cụ thể loại HĐ theo quy định tại Điều 64 của L để làm căn cứ lập HS mời QT, HS mời ST, HSMT, HS yêu cầu; ký kết HĐ;
- b) Đối với DA áp dụng KHTổng thể LCNT, ghi theo nội dung phù hợp với KHTổng thể LCNT.

7. Time thực hiện GT:

Time thực hiện GT được tính từ ngày HĐ có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, HH (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ PTV, TV. Time thực hiện GT được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm time hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, time giám sát tác giả đối với GT TV (nếu có).



Điều 39. Nội dung KHLCNT

8. Tùy chọn mua thêm (nếu có):

- a) TCMT là khả năng CĐT mua bổ sung HH, dịch vụ TV, dịch vụ PTV của GT ngoài khối lượng nêu trong HĐ;
- b) TH GT áp dụng TCMT, KH phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm;
- c) TCMT được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện:
 - NT đã trúng thầu thông qua ĐTRR, đàm phán giá;
 - KL mua thêm không vượt 30% của KL hạng mục tương ứng nêu trong HĐ;
 - Có dự toán được phê duyệt đối với KL mua thêm;
 - Đơn giá của HH, DV mua thêm $\leq$ đơn giá của các HH, DV tương ứng trong HĐ;
 - Chỉ áp dụng trong time có HL của HĐ.

9. Giám sát hoạt động ĐT (nếu có)



Điều 40. Phê duyệt KHLCNT đối với DA

1. HS trình :

- a) Phần công việc đã TH, bao gồm (chuẩn bị DA, GT TH trước);
- b) Phần công việc không áp dụng HT LCNT;
- c) Phần công việc thuộc KH;
- d) Phần công việc chưa đủ điều kiện;
- đ) Phần tổng hợp. Tổng giá trị của phần này $\leq$ TMĐT của DA;
- e) Các nội dung khác có liên quan

2. Thẩm quyền phê duyệt:

- a) CĐT TC lập và phê duyệt KH đã có KHTT;
- b) NCTQ xem xét, phê duyệt KHLCNT đối với DA không áp dụng KTTT hoặc ủy quyền cho CĐT;
- c) CĐT hoặc người đứng đầu đơn vị

3. Người phê duyệt KHLCNT quy định tại khoản 2 Điều này TC thẩm định trước khi phê duyệt.



Điều 41. Phê duyệt KHLCNT đối với DTMS

1. HS trình :

- a) Phần công việc đã TH, bao gồm (chuẩn bị DA, GT TH trước);
- b) Phần công việc không áp dụng HT LCNT;
- c) Phần công việc thuộc KH;
- d) Phần công việc chưa đủ điều kiện;
- đ) Phần tổng hợp. Tổng giá trị của phần này $\leq$ DTMS;
- e) Các nội dung khác có liên quan

2. Thẩm quyền phê duyệt: NCTQ xem xét, phê duyệt KHLCNT hoặc ủy quyền cho CĐT

3. Người phê duyệt KHLCNT quy định tại khoản 2 Điều này TC thẩm định trước khi phê duyệt.

Điều 42. ĐT trước



1. ĐT trước đối với DA, GT sử dụng vốn ODA, vốn vay và các thỏa thuận.

Các hoạt động thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài gồm: lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch LCNT, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, HSMT, hồ sơ yêu cầu, xác định danh sách ngắn.

2. Các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Luật này.

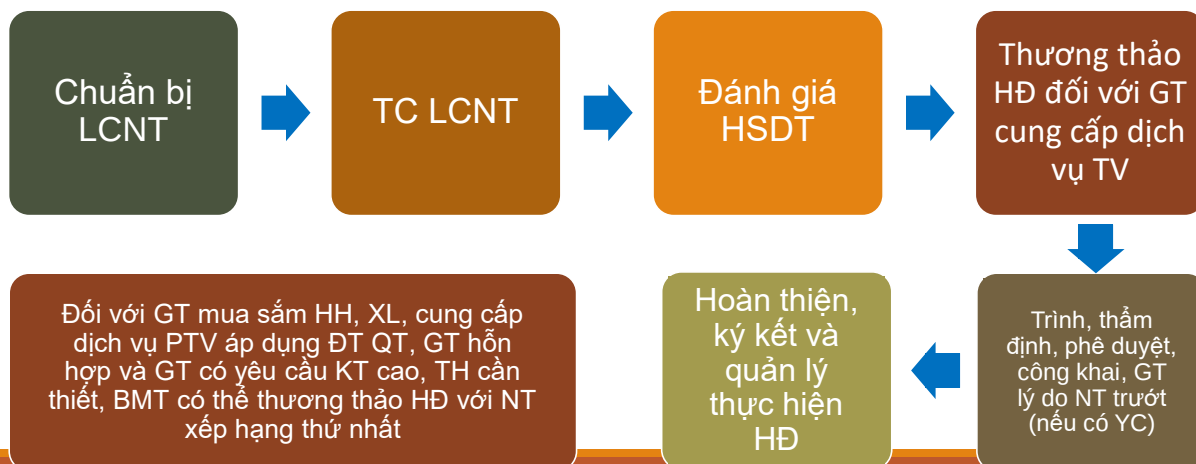


CHƯƠNG IV QUY TRÌNH, THỦ TỤC LCNT, NĐT



Điều 43. Quy trình, thủ tục LCNT

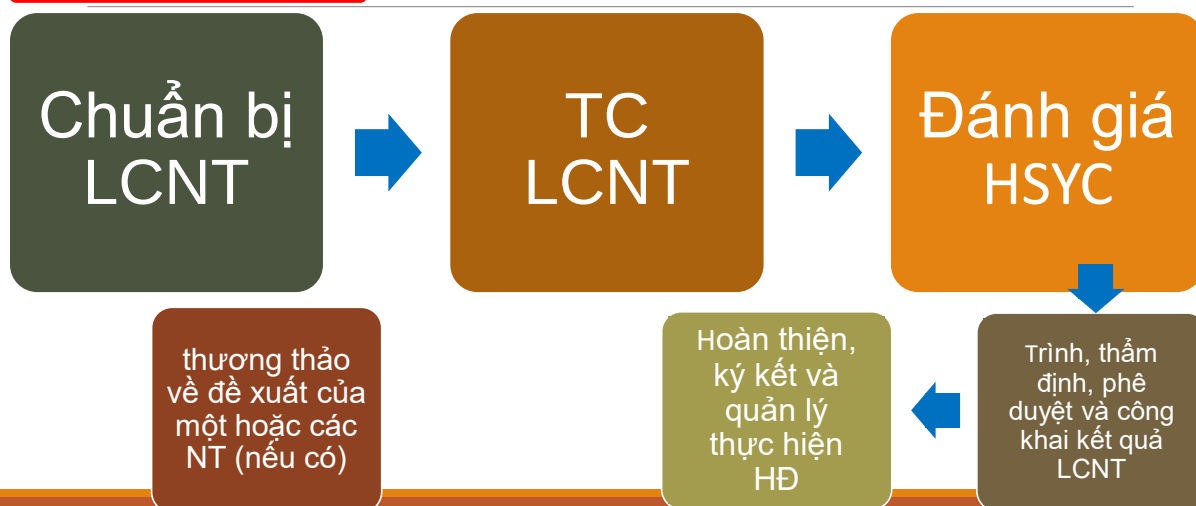
1. ĐTRR, ĐTHC



Điều 43. Quy trình, thủ tục LCNT



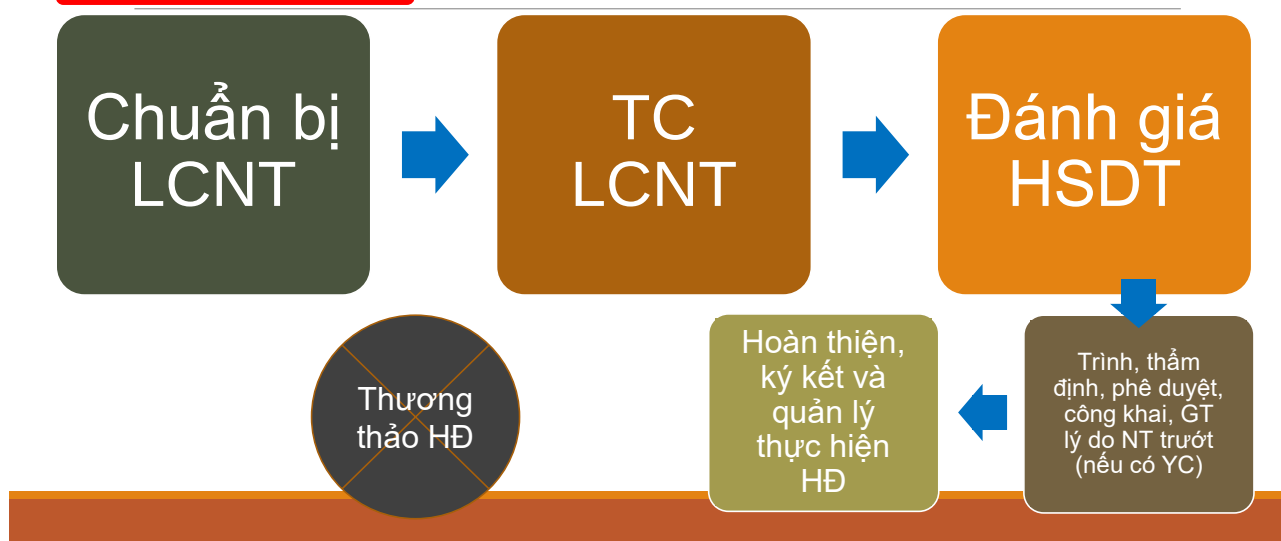
1. CĐT



Điều 43. Quy trình, thủ tục LCNT



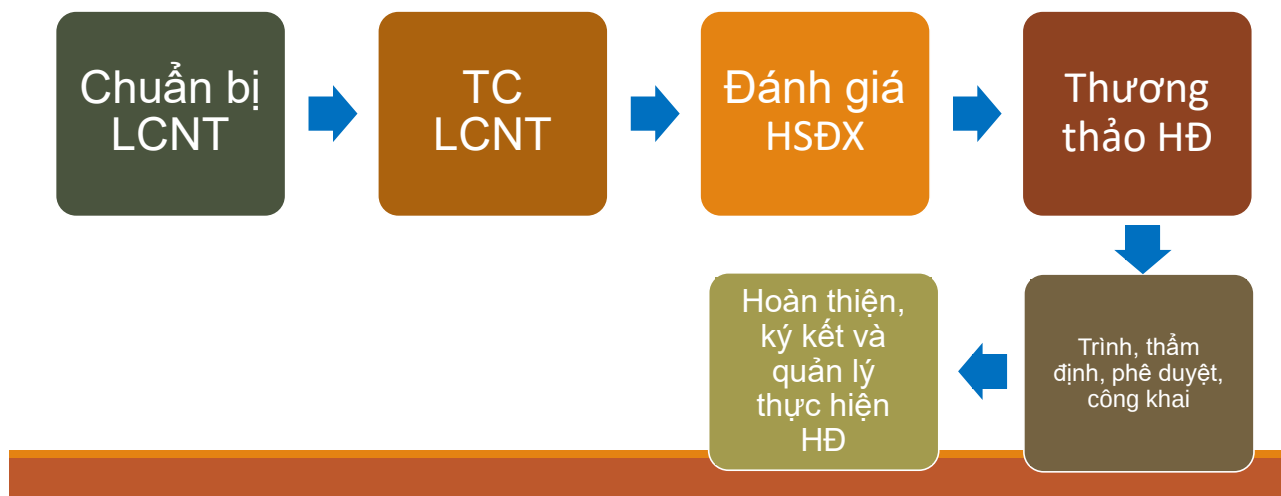
3. CHCT



Điều 43. Quy trình, thủ tục LCNT



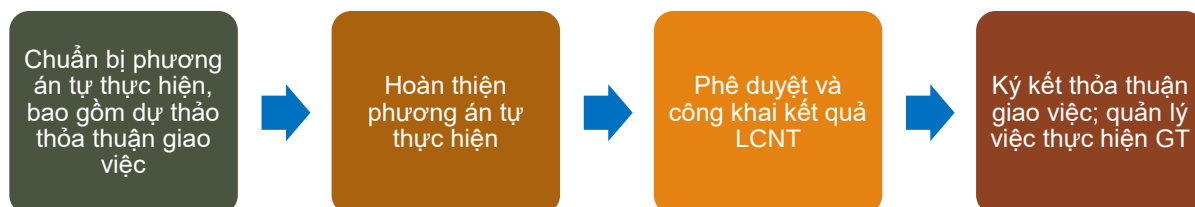
4. MSTT





Điều 43. Quy trình, thủ tục LCNT

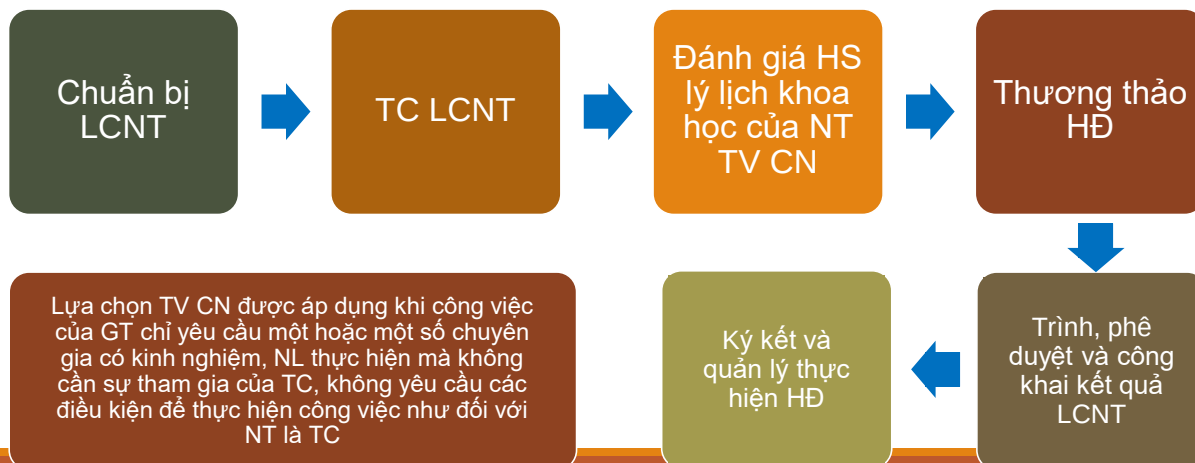
5. TTH



Điều 43. Quy trình, thủ tục LCNT



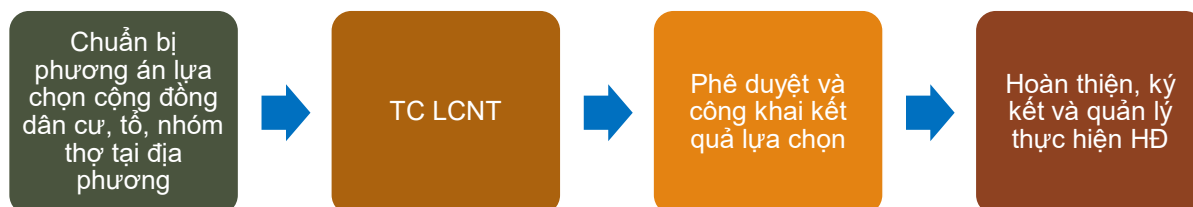
6. LC Tư vấn CN



Điều 43. Quy trình, thủ tục LCNT



7. LC có sự TG CD



8. CP quy định chi tiết Điều này.

Điều 44. Nội dung HSMT (LCNT)



1. Thành phần của HSMT

Chỉ dẫn NT, tùy chọn mua thêm (nếu có);

Bảng dữ liệu DT;

TCĐG về tính hợp lệ của HSMT, năng lực, kinh nghiệm; kỹ thuật; tài chính, thương mại; uy tín của NT, chất lượng hàng hóa tương tự đã được sử dụng;

TH sử dụng NT phụ đặc biệt, HSMT cần nêu rõ phạm vi, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của NT phụ đặc biệt

Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;

Phạm vi cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật, điều khoản tham chiếu;

Điều kiện và biểu mẫu HĐ

Các hồ sơ, bản vẽ và nội dung khác (nếu có)

Điều 44. Nội dung HSMT (LCNT)



2. HSMT được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. TH GT đủ điều kiện áp dụng hình thức CĐT theo quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 23 của L nhưng NCTQ QĐ áp dụng hình thức ĐTRR, ĐTHC, chào hàng cạnh tranh để LCNT thì HSMT được quy định về xuất xứ, nhãn hiệu của HH

3. HSMT không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của NT hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số NT gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng

4. TH HSMT có các nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này thì các nội dung này sẽ bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá HSDT

Điều 45. Time TC LCNT



Nội dung	ĐTTN	ĐTQT
Chuẩn bị HSQT, HSDST (kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT, HSMST đến ngày có thời điểm đóng thầu)	≥ 09 ngày	≥ 18 ngày
Chuẩn bị HSDT (kể từ ngày đầu tiên HSMT được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu)	- ĐTRR, ĐTHC: ≥ 18 ngày - XL, Hỗn hợp có giá ≤ 20 tỷ đồng; MSHH, PTV ≤ 10 tỷ đồng: ≥ 09 ngày	- ĐTRR, ĐTHC: ≥ 35 ngày - XL, Hỗn hợp có giá ≤ 20 tỷ đồng; MSHH, PTV ≤ 10 tỷ đồng: ≥ 18 ngày
Sửa đổi HSMT (trước ngày có thời điểm đóng thầu)	≥ 10 ngày - XL, Hỗn hợp có giá ≤ 20 tỷ đồng; MSHH, PTV ≤ 10 tỷ đồng: ≥ 03 ngày làm việc	- CHCT: ≥ 05 ngày làm việc - Đủ điều kiện áp dụng CĐT nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức ĐTRR: ≥ 09 ngày
Sửa đổi HSMQT, HSMST (trước ngày có thời điểm đóng thầu)	≥ 03 ngày làm việc	
Phát hành HSMQT, HSMST, HSMT	Phát hành đồng thời với thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm, TBMST, TBMT	

Người có thẩm quyền, CĐT có trách nhiệm quyết định thời gian thực hiện trên cơ sở bảo đảm tiến độ của DA, GT

Điều 50. LCNT, NĐT qua mạng



1. ĐTRR, ĐTHC, chào hàng cạnh tranh TN phải thực hiện trên HTM theo lộ trình sau

Ngày thi hành –
31/12/2024

ĐTQM hoặc ĐTKQM thực hiện theo quy định của Chính phủ

Từ ngày
01/01/2025

Áp dụng ĐTQM đối với tất cả các GT

Trừ TH không ĐT trên Hệ thống mạng ĐT quốc gia theo quy định của Chính phủ

Điều 50. LCNT, NĐT qua mạng



Các nội dung LCNT, trên HTM bao gồm

Đăng tải thông tin về LCNT, NĐT

Lập, thẩm định, phê duyệt HSMST, HSMQT, HSMT, HSYC

Lập, nộp HSDST, HSQ, hồ sơ đăng ký thực hiện DA, HSDT, HSDX

Mở thầu

Đánh giá HSDST, HSQT, HSDT, HSDX, mời thương thảo HĐ, thẩm định, phê duyệt KQLCNT

Thỏa thuận liên danh, bảo lãnh dự thầu điện tử, bảo lãnh thực hiện HĐ điện tử

Làm rõ các nội dung trong ĐT

Gửi và nhận đơn kiến nghị

HĐ điện tử

Thanh toán điện tử



Điều 50. LCNT, NĐT qua mạng

3. VB điện tử trên HTM có giá trị theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân

4. Các chi phí trong ĐT qua mạng bao gồm: chi phí tham gia HTM; chi phí đăng tải thông tin về ĐT theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 15 của L, tham dự thầu, ký kết HĐ và các chi phí khác khi ĐT trên HTM.

5. CP quy định việc kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 51 của L; KT ĐT qua mạng phù hợp với tính năng và sự phát triển của HTM; quy trình, thủ tục, chi phí ĐT qua mạng; lộ trình LCNĐT qua mạng; những TH không ĐT trên HTM.

Điều 51. Yêu cầu đối với HTM



1. Công khai, không hạn chế truy cập, tiếp cận đối với thông tin được đăng tải công khai trên HTM.

2. Nguồn time của HTM được xác định theo quy định của pháp luật về nguồn time chuẩn quốc gia.

3. HTM hoạt động liên tục, thống nhất, ổn định, an toàn thông tin, có khả năng xác thực người dùng, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu.

4. Thực hiện ghi lại thông tin và truy xuất được lịch sử các giao dịch trên HTM.

5. Bảo đảm NT, NĐT không thể gửi HS QT, HS dự ST, HSDT, HS đề xuất đến BMT sau thời điểm đóng thầu.

6. Các thông tin về NT, NĐT được kết nối, chia sẻ từ HT thông tin quốc gia về đăng ký DN, HT thông tin quản lý thuế, HT thông tin quản lý NS, kho bạc và các HT khác. HTM được kết nối với các Cổng thông tin điện tử, HT công nghệ thông tin khác để trao đổi, chia sẻ dữ liệu, thông tin phục vụ ĐT qua mạng và quản lý nhà nước về ĐT.



Điều 52. Trách nhiệm của TC vận hành HTM

1. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật cơ sở dữ liệu của HTM.
2. Bảo đảm tính toàn vẹn của các HS trên HTM, ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, thay thế HS bất hợp pháp.
3. Bảo đảm an toàn, an ninh bảo mật cho người dùng và quản lý HS người dùng; có cơ chế ghi lại thông tin và truy xuất nguồn gốc thông tin theo time, hành động trên HTM.
4. Xây dựng HTM đảm bảo tương thích với các HT khác; giao diện thân thiện, đáp ứng tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
5. Quản trị rủi ro an toàn thông tin, an ninh mạng của HTM.
6. Không được sử dụng các thông tin về DA, DA đầu tư kinh doanh, GT, CĐT, BMT, NT, NĐT và các thông tin khác trên HTM để phục vụ cho các mục đích không thuộc chức năng, nhiệm vụ của TC vận hành HT.
7. Bảo đảm HT phản cứng đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động ĐT.
8. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của L và quy định khác của pháp luật có liên quan.



CHƯƠNG V

MUA SẺ TẬP TRUNG; MUA THUỐC, HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ; CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 53. MUA SẮM TẬP TRUNG

Áp dụng khi



Hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm với số lượng lớn, chủng loại tương tự ở một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị

- TH mua thuốc hiếm, thuốc cần mua với số lượng ít có thể áp dụng hình thức mua sắm tập trung



Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung quy định tại Khoản 2, Điều 53

THẨM QUYỀN**Điều 53. MUA SẮM TẬP TRUNG****Bộ trưởng Bộ Y tế**

- BT Bộ Y tế ban hành danh mục MSTT cấp quốc gia đối với thuốc;
- danh mục MSTT cấp quốc gia đối với thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm trong TH cần thiết

Bộ trưởng Bộ Tài chính

- danh mục HH, dịch vụ áp dụng MSTT cấp quốc gia, trừ danh mục BT Bộ Y tế ban hành theo quy định tại điểm a khoản này

BT, Thủ trưởng CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP, CQ khác ở TW, Chủ tịch UBND tỉnh, người đứng đầu DN nhà nước, DN do DN nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

- Ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung (bao gồm cả danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm) thuộc phạm vi quản lý của mình;
- Trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Tài chính ban hành



Điều 53. MUA SẮM TẬP TRUNG

Hình thức áp dụng



ĐT rộng rãi



Cần mua sắm để phòng, chống dịch bệnh theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 23 thì được áp dụng chỉ định thầu



Hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung đáp ứng điều kiện đàm phán giá theo quy định tại khoản 1, Điều 28 thì được áp dụng hình thức đàm phán giá

Điều 53. MUA SẮM TẬP TRUNG



Cách thức thực hiện

- Đơn vị mua sắm tập trung tiến hành LCNT, trực tiếp ký HĐ với NT được lựa chọn; **hoặc**
- Đơn vị mua sắm tập trung tiến hành LCNT, ký văn bản thỏa thuận khung với một hoặc nhiều NT được lựa chọn làm cơ sở để đơn vị có nhu cầu mua sắm ký HĐ với NT được lựa chọn



Gộp hàng hóa, dịch vụ cùng loại thành một GT để mua sắm

Đơn vị MSTT thực hiện việc LCNT trên cơ sở nhiệm vụ được giao hoặc HĐ ký với các đơn vị có nhu cầu

Chính phủ quy định việc tổng hợp nhu cầu MSTT của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân



Điều 54. Thỏa thuận khung



TTK là thỏa thuận giữa đơn vị MSTT với một hoặc nhiều NT được lựa chọn đối với GT không chia phần hoặc đối với một phần của GT chia phần



TTK quy định nội dung và điều kiện để làm cơ sở cho việc mua sắm theo từng HĐ cụ thể



Thời hạn áp dụng TTK được quy định trong KHLCNT nhưng **không quá 36 tháng**. Tại thời điểm ký TTK, HSDT của NT được lựa chọn còn hiệu lực



Đối với NT liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào TTK

Điều 55. LCNT cung cấp T, HC, VTXN, TBYT



1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể LCNT cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo một trong các cách thức sau đây:

a) LCNT thực hiện GT cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm và NT trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm đó theo yêu cầu của CĐT; NT không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng thiết bị y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) LCNT theo số lượng dịch vụ KT:

NT cung cấp cho CĐT hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện thay thế và các dịch vụ liên quan để vận hành thiết bị y tế theo số lượng dịch vụ KT mà CĐT, BMT yêu cầu trong HSMT, HS yêu cầu, không cung cấp nhân công vận hành thiết bị y tế.

NT chỉ chuyển giao quyền sử dụng, không chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế cho CĐT. Giá GT và giá dự thầu được xác định trên cơ sở số lượng dịch vụ KT dự kiến. Time thực hiện HĐ không quá 05 năm;

c) LCNT thực hiện GT cung cấp thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm: NT chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế và hóa chất, vật tư xét nghiệm cho CĐT kể từ khi HĐ giữa các bên có hiệu lực;

d) LCNT cung cấp thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về ĐT;

đ) LCNT cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm để vận hành thiết bị y tế đã có;

e) LCNT cung cấp dịch vụ KT theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.



Điều 55. LCNT cung cấp T, HC, VTXN, TBYT

2. Đối với việc mua thuốc không thuộc danh mục thuốc do quỹ bảo hiểm y tế chi trả, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế tự QĐ việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.
3. TH các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân không chọn áp dụng quy định của L đối với mua T, HC, VTXN, TBYT thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó chỉ được thanh toán từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế theo đúng giá mặt hàng T, HC, VTXN, TBYT theo đơn giá đã trúng thầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập tuyến tỉnh, tuyến trung ương hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp chuyên môn KT trên cùng địa bàn; nếu không có giá trúng thầu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập tuyến tỉnh, tuyến trung ương hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp chuyên môn KT trên cùng địa bàn thì thực hiện theo quy định của CP.
4. CP quy định chi tiết Điều này.

Điều 56. Ưu đãi trong mua thuốc



1. Việc ưu đãi trong mua thuốc theo Điều 10 của L



a) Đối với thuốc có ít nhất 03 hãng TN sản xuất đáp ứng về tiêu chí KT theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá thì CĐT QĐ việc yêu cầu NT chào thuốc xuất xứ TN đối với mặt hàng này



b) Đối với thuốc được Bộ Y tế công bố có ít nhất 03 hãng TN sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí KT theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp thì trong HSMT, HS yêu cầu phải quy định NT chỉ chào thầu thuốc xuất xứ TN.



2. Bộ Y tế có trách nhiệm công bố danh mục thuốc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này



Điều 57. LCNT cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

1. SP, DVC là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải TC thực hiện trong các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; tài nguyên và môi trường; giao thông vận tải; nông nghiệp và phát triển nông thôn; công thương; xây dựng; lao động, thương binh và xã hội; tư pháp và các lĩnh vực khác theo quy định pháp luật. SP, DVC bao gồm sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công

2. Việc LCNT cung cấp sản phẩm, dịch vụ công được thực hiện theo quy định của L

3. Ngoài các hình thức LCNT quy định tại Chương II của L, việc LCNT cung cấp sản phẩm, dịch vụ công được thực hiện theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của CP.



CHƯƠNG VI PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HSDT VÀ XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU TRONG LCNT





PTV,
MSHH, XL,
Hỗn hợp

ĐIỀU 58: PHƯƠNG PHÁP ĐG HSDT

PP giá thấp nhất

- các đề xuất về KT, TC, thương mại được coi là cùng một mặt bằng khi đáp ứng các yêu cầu của HSMT;
- HSDT có đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất

PP giá đánh giá

- chi phí quy đổi được trên cùng một mặt bằng về các yếu tố kỹ thuật, tài chính, thương mại cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình, dịch vụ PTV;
- Yếu tố được quy đổi: chi phí cần thiết để vận hành, bảo dưỡng và các chi phí khác liên quan đến lãi vay, tiền độ, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ hoặc công trình xây dựng thuộc GT: công suất, hiệu suất; **kết quả thống kê, đánh giá việc thực hiện các HĐ tương tự trước đó, bao gồm cả việc xem xét xuất xứ; DT bền vững và các yếu tố khác;**
- Giá đánh giá dùng để xếp hạng HSDT đối với GT MSHH, XL, PTV và hỗn hợp áp dụng hình thức ĐTRR, ĐTHC hoặc CHCT. NT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất

PP kết hợp giữa kỹ thuật và giá

- Áp dụng đối với GT công nghệ thông tin, viễn thông, bảo hiểm; GT hàng hóa, xây lắp có đặc thù, yêu cầu kỹ thuật cao mà không áp dụng được phương pháp giá đánh giá và các GT cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật và giá;
- Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. NT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất

Dịch vụ tư
vấn

ĐIỀU 59: PHƯƠNG PHÁP ĐG HSDT

PP giá thấp nhất

- Áp dụng đối với các GT tư vấn đơn giản, GT tư vấn có quy trình thực hiện rõ ràng theo các tiêu chuẩn có sẵn;
- HSDT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất

PP giá cố định

- Áp dụng đối với GT tư vấn đơn giản, phạm vi công việc được xác định chính xác, chi phí thực hiện GT được xác định hợp lý, cụ thể và cố định trong HSMT;
- HSDT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt giá GT và có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất

PP kết hợp giữa kỹ thuật và giá

- Áp dụng đối với GT tư vấn chú trọng tới cả chất lượng và chi phí thực hiện GT;
- Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Quy tắc tỷ trọng điểm: kỹ thuật từ 70% - 80%, giá từ 20% - 30% tổng số điểm của thang điểm tổng hợp. Điểm kỹ thuật + giá = 100%;
- NT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất

PP dựa trên kỹ thuật

- Áp dụng đối với GT tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù;
- HSDT đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất, được mời đến mở hồ sơ đề xuất tài chính, làm cơ sở để thương thảo HĐ





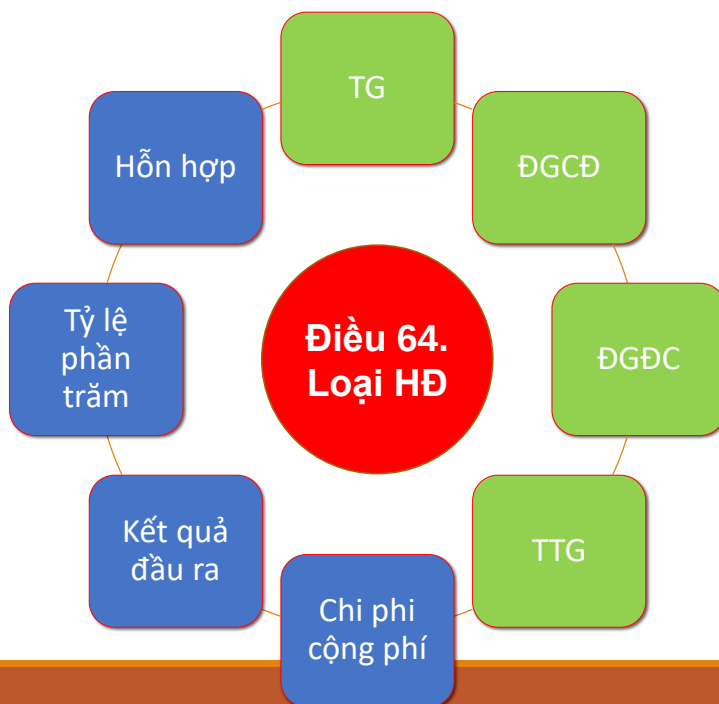
Điều 60-61. Xét duyệt trúng thầu

PTV, mua sắm HH, XL, hỗn hợp	TV
Có HSDT, HS đề xuất hợp lệ Có NL, KN đáp ứng yêu	Có HSDT, HS đề xuất hợp lệ
Có đề xuất KT đáp ứng	Có đề xuất về KT đáp ứng yêu
PP giá thấp nhất: có giá dự thầu sau ... thấp nhất; PP giá đánh giá: có giá đánh giá thấp nhất; PP kết hợp giữa KT và giá: có điểm tổng hợp cao nhất	PP giá thấp nhất: có giá dự thầu sau ... thấp nhất; đối với GT áp dụng loại HĐ trọn gói, có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất; PP giá cố định và PP dựa trên KT: có điểm KT cao nhất; PP kết hợp: có điểm tổng hợp cao nhất
Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá GT được phê duyệt	Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá GT được phê duyệt
Có giá trị SLT không quá 10% giá dự thầu	
Đối với NT trượt, thông báo kết quả LCNT phải nêu lý do NT không trúng thầu	



CHƯƠNG VII HỢP ĐỒNG





Điều 64. Loại HĐ



HĐ trọn gói

a) HĐ trọn gói được áp dụng đối với GT mà tại thời điểm LCNT, phạm vi công việc, yêu cầu KT, time thực hiện GT được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, yêu cầu KT, các điều kiện không lường trước được; GT chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá nhưng các bên tham gia HĐ xác định được khả năng quản lý rủi ro, quản lý thay đổi phát sinh hoặc xác định được các tính chất, đặc điểm của sản phẩm đầu ra, bao gồm cả HĐ EPC và HĐ chìa khóa trao tay

b) Khi áp dụng HĐ trọn gói, giá GT làm căn cứ xét duyệt trúng thầu bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện HĐ tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho NT trong GT. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể phát sinh trong quá trình thực hiện HĐ tương ứng với trách nhiệm của NT trong việc thực hiện GT

c) Giá HĐ không thay đổi trong suốt time thực hiện HĐ đối với phạm vi công việc, yêu cầu KT và điều khoản quy định trong HĐ, trừ TH bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá HĐ thay đổi

d) Việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá HĐ hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với GĐ thanh toán được các bên thỏa thuận trong HĐ, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết



Điều 64. Loại HĐ

HĐ theo đơn giá cố định

a) HĐ theo đơn giá cố định được áp dụng đối với GT mà tại thời điểm LCNT bản chất công việc đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác số lượng, khối lượng công việc thực tế phải hoàn thành. Giá HĐ ban đầu dựa trên số lượng, khối lượng công việc, đơn giá cố định theo HĐ và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh được xác định theo quy định pháp luật

b) HĐ theo đơn giá cố định có đơn giá không thay đổi trong suốt time thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong HĐ. NT được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá cố định quy định tại HĐ

Điều 64. Loại HĐ



HĐ theo đơn giá điều chỉnh

a) HĐ theo đơn giá điều chỉnh được áp dụng đối với GT có time thực hiện dài và có rủi ro biến động giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện HĐ, có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện GT nếu áp dụng đơn giá cố định. HĐ theo đơn giá điều chỉnh có đơn giá, giá HĐ có thể được điều chỉnh căn cứ vào các thỏa thuận trong HĐ đối với toàn bộ nội dung công việc trong HĐ. Giá HĐ ban đầu dựa trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc cần thiết với đơn giá cơ sở theo HĐ và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh, chi phí dự phòng trượt giá. Nội dung HĐ phải quy định PP tính trượt giá và chi phí dự phòng trượt giá theo quy định của pháp luật

b) NT được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá quy định tại HĐ hoặc đơn giá đã điều chỉnh (nếu có)



Điều 64. Loại HĐ

HĐ theo time

HĐ theo time có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị; dịch vụ TV khi khó xác định được phạm vi và time thực hiện dịch vụ. Giá HĐ được tính trên cơ sở đơn giá cho đơn vị time, mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng nêu trong HĐ và chi phí phát sinh hợp lý có thể bồi hoàn

HĐ theo chi phí cộng phí

HĐ theo chi phí cộng phí được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà tại thời điểm LCNT chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của HĐ. Tại thời điểm ký kết HĐ, các bên thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung, lợi nhuận, PP tính theo chi phí trực tiếp; PP xác định chi phí trực tiếp làm căn cứ để tính toán chi phí trực tiếp và các nội dung khác để thực hiện các công việc của HĐ.

Điều 64. Loại HĐ



HĐ theo kết quả đầu ra

HĐ theo kết quả đầu ra được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện HĐ được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. HĐ phải nêu rõ yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, quy định về điều chỉnh giá (nếu có) và các nội dung khác để thực hiện HĐ

HĐ theo tỷ lệ phần trăm

HĐ theo % chỉ có thể áp dụng cho GT bảo hiểm công trình mà giá trị HĐ được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu

HĐ hỗn hợp

HĐ hỗn hợp là HĐ có nội dung kết hợp các loại HĐ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. HĐ hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng đối với từng loại HĐ tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại HĐ đối với một nội dung công việc, dịch vụ. Việc thanh toán đối với HĐ hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại HĐ cho phạm vi công việc thực hiện.

Điều 65. Hồ sơ HĐ với NT



1. HS HĐ với NT bao gồm bao gồm các tài liệu sau đây

- a) VB HĐ;
- b) Phụ lục HĐ gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);
- c) QĐ phê duyệt kết quả LCNT

2. Ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo quy mô, tính chất của GT, HS HĐ có thể bao gồm một hoặc một số

- a) Biên bản hoàn thiện HĐ;
- b) Biên bản thương thảo HĐ (nếu có);
- c) VB thỏa thuận của các bên về điều kiện của HĐ, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
- d) HSDT, HS đề xuất và các tài liệu làm rõ HSDT, HS đề xuất của NT được lựa chọn;
- đ) HSMT, HS yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT, HS yêu cầu;
- e) Tài liệu khác có liên quan

Điều 66. Điều kiện ký kết HĐ



1. Tại thời điểm ký kết, HSDT, HS đề xuất của NT được lựa chọn còn hiệu lực. Đối với MSTT áp dụng thỏa thuận khung, tại thời điểm ký kết, thỏa thuận khung còn hiệu lực

2. Tại thời điểm ký kết, NT được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về NL KT, TC để thực hiện GT theo yêu cầu của HSMT, HS yêu cầu

3. CĐT phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện GT theo đúng tiến độ



Điều 67. Ký kết HĐ với NT được lựa chọn

1. Một GT được thực hiện theo một HĐ; trong một HĐ có thể áp dụng một hoặc nhiều loại HĐ quy định tại Điều 64 của L; đối với GT MSTT hoặc GT chia thành nhiều phần, một GT có thể thực hiện theo nhiều HĐ tương ứng với một hoặc một số phần. TH áp dụng nhiều loại HĐ thì phải quy định rõ loại HĐ tương ứng với từng nội dung công việc cụ thể
2. HĐ được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong HSMT, HS yêu cầu, HSĐT, HS đề xuất, kết quả thương thảo HĐ (nếu có), QĐ phê duyệt kết quả LCNT, trong đó nêu rõ phạm vi công việc dành cho NT phụ đặc biệt (nếu có) và giá trị công việc tối đa dành cho NT phụ. Giá trị công việc tối đa dành cho NT phụ không bao gồm khối lượng công việc dành cho NT phụ đặc biệt
3. Đối với NT liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào VB HĐ; đối với MSTT áp dụng thỏa thuận khung, tất cả thành viên tham gia liên danh trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào VB HĐ hoặc thành viên liên danh ký, đóng dấu (nếu có) vào VB HĐ với đơn vị có nhu cầu mua sắm theo phân công tại thỏa thuận liên danh
4. CP quy định chi tiết Điều này



Điều 68. Bảo đảm thực hiện HĐ

- | | |
|---|---|
| 1. Biện pháp thực hiện HĐ:
a) Đặt cọc;
b) Nộp thư bảo lãnh của TC tín dụng TN, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
c) Nộp giấy chứng nhận BHBL của các DN BH PN thọ TN, chi nhánh DN BH PNT nước ngoài. | 2. BDTH HĐ được áp dụng đối với NT được lựa chọn, trừ các TH sau đây:
a) dịch vụ TV;
b) tự thực hiện hoặc tham gia của cộng đồng;
c) Giá GT thuộc hạn mức CĐT. |
| 3. NT phải thực hiện biện pháp BDTH HĐ trước hoặc cùng thời điểm HĐ có hiệu lực. | 4. Giá trị bảo đảm thực hiện HĐ được quy định trong HSMT, HS yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá HĐ. |
| 5. Time có hiệu lực của BDTH HĐ được tính từ ngày HĐ có HL cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo HĐ hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với TH có quy định về bảo hành. TH cần gia hạn time thực hiện HĐ, NT gia hạn tương ứng time có hiệu lực của BDTH HĐ trước khi gia hạn time TH HĐ. | 6. NT không được hoàn trả bảo đảm thực hiện HĐ trong TH sau đây:
a) Từ chối thực hiện HĐ khi HĐ đã có hiệu lực;
b) Vi phạm thỏa thuận trong HĐ;
c) Thực hiện HĐ chậm tiến độ do lỗi của NT nhưng từ chối GH HL của BDTH HĐ |

Điều 69. Nguyên tắc thực hiện HĐ

1. Các bên ký kết HĐ có trách nhiệm thực hiện theo HĐ đã ký kết.
2. Bảo đảm trung thực, hợp tác và đúng pháp luật.
3. Không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, cộng đồng và lợi ích hợp pháp của TC, CN khác.

Điều 70. Sửa đổi HĐ

1. Sửa đổi HĐ có thể thực hiện trong các TH sau đây:
 - a) Các TH do các bên thỏa thuận trong HĐ đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b) TH hoàn cảnh thực hiện HĐ có thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự;
 - c) Theo yêu cầu của CQNN có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện HĐ mà không do lỗi của CĐT.
2. Nội dung sửa đổi HĐ có thể bao gồm: khối lượng, tiến độ, giá, áp dụng tùy chọn mua thêm và các nội dung khác do các bên thỏa thuận trong HĐ đã ký kết, trừ TH quy định tại khoản 5 Điều này. Đối với sửa đổi về tiến độ, khối lượng, giá thì chỉ áp dụng trong time thực hiện GT ghi trong HĐ, trừ TH áp dụng tùy chọn mua thêm.

Điều 70. Sửa đổi HĐ

3. Trong quá trình thực hiện HĐ, các bên được điều chỉnh các mốc time hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong HĐ trong các TH sau đây:

- a) TH bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở NT trong việc thực hiện HĐ và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia HĐ;
- b) Thay đổi, điều chỉnh DA, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ HĐ;
- c) Một hoặc các bên đề xuất các sáng kiến, cải tiến thực hiện HĐ mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho CĐT;
- d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong HĐ, tạm dừng HĐ do lỗi của CĐT ảnh hưởng đến tiến độ HĐ mà không do lỗi của nhà thầu;
- đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của CQNN có thẩm quyền mà không do lỗi của CĐT, NT.

Điều 70. Sửa đổi HĐ

- 4. Khi sửa đổi HĐ làm thay đổi time thực hiện HĐ hoặc vượt giá GT (bao gồm dự phòng) được duyệt thì phải được NCTQ cho phép. Giá HĐ sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, DTMS. TH DA, DTMS gồm nhiều GT, tổng giá HĐ sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, DTMS.
- 5. Các bên không phải ký kết VB sửa đổi HĐ đối với TH thay đổi giá HĐ, khối lượng và các nội dung khác đã được quy định trong HĐ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Không vượt giá GT ghi trong KHLCNT; TH dự toán GT được phê duyệt sau khi có KHLCNT thì không vượt dự toán GT;
 - b) Không vượt time thực hiện GT ghi trong HĐ;
 - c) PP, công thức, hạng mục và các nội dung cần thiết để điều chỉnh đã quy định trong HĐ.
- 6. CP quy định chi tiết Điều này



CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐT



Responsibility

Điều 77. Trách nhiệm của NCTQ

1. Phê duyệt KHTổng thể

2. Phê duyệt KHLCNT

3. TC thẩm định KH

4. Đình chỉ, không công nhận KQ, xử lý vi phạm

5. Hủy thầu

6. Giải quyết kiến nghị

7. TC kiểm tra, giám sát

8. Đối với LCNT

a) Điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của CĐT trong TH không đáp ứng

b) Yêu cầu CĐT, BMT cung cấp HS, tài liệu

c) Có ý kiến đối với việc xử lý tình huống

10. Giải trình theo yêu cầu của cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước

11. Thực hiện trách nhiệm khác

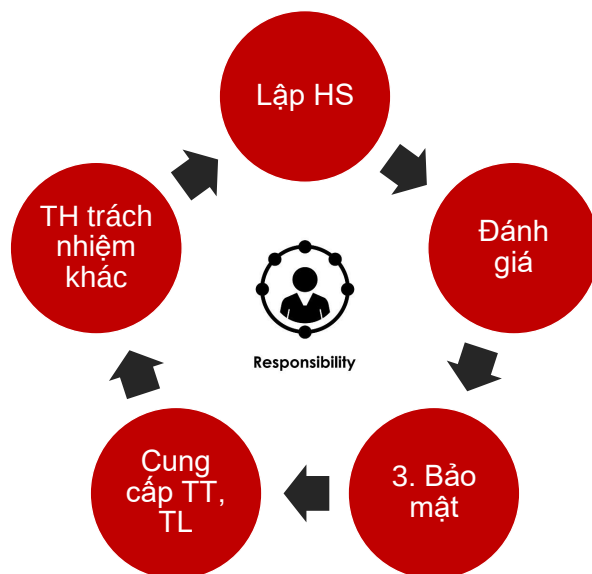
Điều 78. Trách nhiệm của CĐT

1. Phê duyệt	7. Bảo mật
a) KH trước khi có QĐ phê duyệt DA, ĐT trước; KH đã phê duyệt KH tổng thể	8. Lưu trữ
b) HSMQT, HSMST, danh sách ngân	9. Báo cáo công tác ĐT hằng năm
c) HSMT, HS yêu cầu	10. Hủy thầu
d) Kết quả LCNT	11. Cung cấp thông tin, tài liệu
2. TC thẩm định	12. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và NCTQ
3. KK hoặc UQ KK và QL HĐ; KK và QL TTK; thanh toán cho NT theo QĐ HĐ	13. TH CĐT đồng thời là BMT
4. QĐ thành lập BMT; QĐ thành lập TCG (ko thuê tư vấn). Ko đáp ứng thì thuê TV	14. Trang bị cơ sở hạ tầng về CNTT
5. QĐ xử lý tình huống	15. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về TT trên HTM Chứng thư số
6. Giải quyết kiến nghị	16. Thực hiện trách nhiệm khác

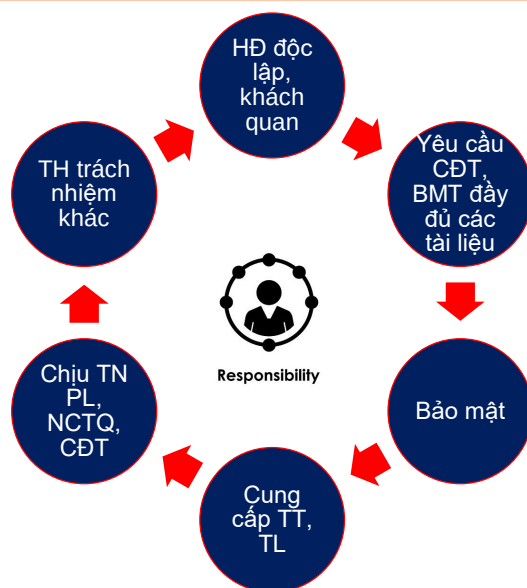
Điều 79. Trách nhiệm của BMT

1. Đối với LCNT	e) Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện TTK, QL TTK
a) Chuẩn bị; TC LCNT; TC đánh giá HSQT, HSDST, HSDT, HSDX	g) Bảo mật
b) QĐ thành lập TCG (thuê)	h) Cung cấp các thông tin
c) Yêu cầu NT làm rõ	i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và CĐT
d) Trình duyệt HS, DSN, KQLCNT	3. Trang bị cơ sở hạ tầng về CNTT
đ) Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện HĐ, QL thực hiện HĐ (nếu có)	4. Thực hiện trách nhiệm khác

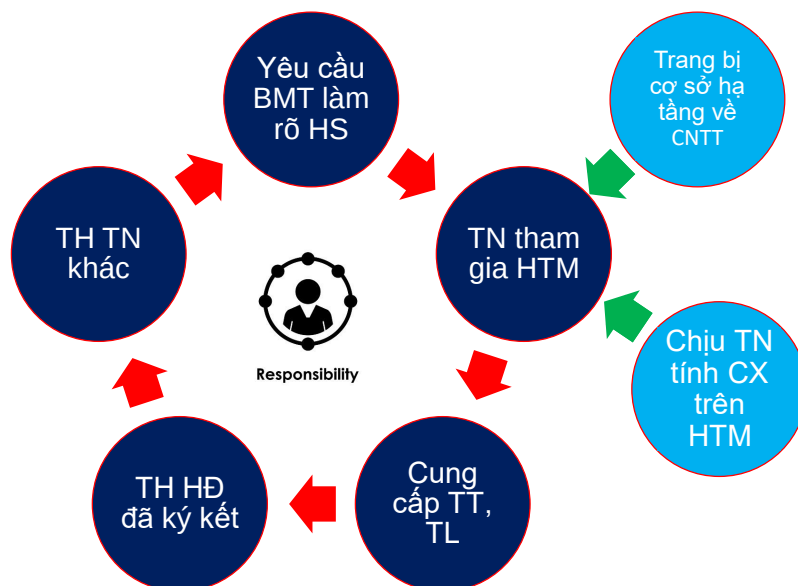
Điều 80. Trách nhiệm của TCG



Điều 81. Trách nhiệm của TTĐ



Điều 82. Trách nhiệm của NT



Chương IX

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐT



Điều 83. Nội dung QLNN đối với HĐ ĐT

1. Ban hành và TC thực hiện VB quy phạm pháp luật về ĐT
2. Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động ĐT
3. Quản lý HT thông tin và cơ sở dữ liệu về ĐT trên phạm vi cả nước
4. Giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, KN trong ĐT và xử lý vi phạm pháp luật về ĐT theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại L và quy định khác của pháp luật có liên quan
5. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về ĐT
6. Hợp tác QT về ĐT

Điều 84. Trách nhiệm QLNN về ĐT

1. CP thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐT trên phạm vi cả nước
2. Bộ KH và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp CP thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐT và có quyền hạn, trách nhiệm sau đây
 - a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành VB quy phạm pháp luật về ĐT theo thẩm quyền
 - b) Xây dựng, quản lý HTM và sản phẩm báo chí về ĐT để phục vụ hoạt động ĐT qua mạng, công khai thông tin về LCNT, NĐT theo quy định của L
 - c) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về NĐT, NT, bao gồm kết quả thực hiện HĐ, chất lượng HH đã sử dụng theo quy định của CP
 - d) Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về ĐT cho người làm công tác ĐT; quy định về việc thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về ĐT
 - đ) Thanh tra, kiểm tra hoạt động ĐT
 - e) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm khác về quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐT được CP, Thủ tướng CP giao theo quy định của L và quy định khác của pháp luật có liên quan

Điều 85. Trách nhiệm của Bộ, CQN Bộ và UBND các cấp

1. Thực hiện quản lý công tác ĐT trong phạm vi quản lý
2. TC bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về ĐT cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ĐT.
3. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết KN, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về ĐT.
4. Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động ĐT.
5. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định của L và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 86. Thanh tra, kiểm tra, giám sát HĐĐT

1. Thanh tra

a) Thanh tra đối với TC, CN liên quan theo quy định tại L

b) TC và hoạt động của thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra

4. CP quy định chi tiết Điều này

Điều 86. Thanh tra, kiểm tra, giám sát HĐĐT

2. Kiểm tra hoạt động ĐT

- a) Kiểm tra: định kỳ hoặc đột xuất theo QĐ của NĐĐ cơ quan có TQKT
- b) Kiểm tra: ban hành VB hướng dẫn; việc trình, thẩm định, phê duyệt KHLCNT; công tác CB, TC LCNT; QL và TH HĐ; các HĐ khác
- c) Kiểm tra theo phương thức: trực tiếp hoặc qua báo cáo bằng VB
- d) Trình tự, thủ tục kiểm tra: chuẩn bị; tổ chức; kết luận kiểm tra; theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra

Điều 86. Thanh tra, kiểm tra, giám sát HĐĐT

3. Giám sát

- a) NCTQ, CQ QLNN giám sát CĐT, BMT nhằm bảo đảm quá trình LCNT tuân thủ L và PL LQ
- b) Giám sát bởi cộng đồng. UB Mặt trận Tổ quốc VN các cấp chủ trì TC việc giám sát
- c) CQ QLNN về ĐT thuộc Bộ, ngành, địa phương TH việc giám sát thường xuyên HĐ ĐT đối với các GT thuộc DA, DTMS trên địa bàn, lĩnh vực quản lý
- d) NCTQ thực hiện việc giám sát HĐĐT đối với các DA, DTMS thuộc QL
- đ) Nội dung GS: HSMST, HSMT, HSYC; đánh giá HSDT, HSĐX; quy trình TC
- e) Trình tự, thủ tục của NCTQ: CB giám sát; TH giám sát; BC kết quả giám sát.

Điều 87. Xử lý vi phạm

1. TC, CN vi phạm tùy theo TC, MĐ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hoặc truy cứu TNHS; TH gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật

2. Ngoài khoản 1 Điều này, tùy theo TC, MĐ vi phạm, TC, CN bị cấm tham gia hoạt động ĐT từ 06 tháng đến 05 năm.

3. Thẩm quyền QĐ cấm tham gia hoạt động ĐT được quy định như sau:

a) NCTQ cấm trong phạm vi quản lý của mình;

b) BT, CQN Bộ, CQ thuộc CP, CQ khác ở TW, Chủ tịch UBND cấp tỉnh cấm trong phạm vi quản lý;

c) BT Bộ KH và Đầu tư cấm phạm vi quản lý của Bộ và toàn quốc.

4. QĐ cấm gửi cho TC, CN bị xử lý và CQ, TC có liên quan; gửi BKHĐT và ĐT trên HTM.

5. CP quy định chi tiết các khoản 2, 3 và 4 Điều này

Điều 88. Xử lý tình huống trong hoạt động ĐT

1. TH phát sinh TH chưa QĐ cụ thể, rõ ràng trong KH; HS, NCTQ, CĐT QĐ và chịu trách nhiệm XLTH theo nguyên tắc BĐCT, CB, MB, HQKT và TNGT

2. Việc XLTH căn cứ vào KH; HS; kết quả LCNT; HĐ đã ký kết với NT; tình hình thực tế triển khai thực hiện GT, DA

3. Thẩm quyền XLTH

a) Đối với LCNT, người QĐ XLTH là CĐT. Trong TH phức tạp, CĐT QĐ xử lý tình huống sau khi có ý kiến của NCTQ;

5. CP quy định chi tiết các khoản 2, 3 và 4 Điều này

Điều 89. GQ KN trong hoạt động ĐT

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, NT, NĐT, cơ quan, TC được KN NCTQ, CĐT, BMT xem xét lại các vấn đề trong quá trình LCNT, NĐT, kết quả LCNT, NĐT theo quy định tại các điều 90, 91 và 92 của L

2. NT, NĐT, cơ quan, TC chỉ được xem xét, GQ KN khi chưa gửi đơn khiếu nại, tố cáo, khởi kiện. TH đang trong quá trình GQ KN mà NT, NĐT khởi kiện, khiếu nại, tố cáo thì việc GQ KN được chấm dứt ngay.

3. NT, NĐT, cơ quan, TC có quyền rút đơn KN trong quá trình GQ KN.

Điều 90. Điều kiện xem xét, GQ KN

1. **Trước** thông báo KQLCNT, đơn KN phải đủ các ĐK

a) KN về nội dung HSMT, đơn KN có thể của các CQ, TC QT đến GT; Nội dung khác: đơn KN của NT tham dự

b) Đơn KN phải có chữ ký, đóng dấu (nếu có) của ĐDHP hoặc ký số, gửi trên HTM;

c) Đơn KN được gửi theo K 1 Đ 91 và K 1 Đ 92 L trước khi có thông báo kết quả LCNT, NĐT.

3. TH KN không ĐỦ ĐK, phải thông báo = VB cho NT... về việc không XX, GQ KN.

2. **KQ** LCNT, đủ các điều kiện:

a) Đơn KN là của NT tham dự thầu;

b) Đơn KN phải có chữ ký, đóng dấu (nếu có) của ĐDHP hoặc ký số, gửi trên HTM;

c) Nội dung KN chưa khởi kiện, khiếu nại, tố cáo;

d) KN liên quan đ KQ đánh giá HSĐT của NT KN;

đ) Chi phí GQ KN: nộp BPTT giúp việc Chủ tịch Hội đồng TV GQ KN trước hoặc đồng thời với đơn KN;

e) NT phải gửi đơn KN trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 91 của L;

Điều 91. Quy trình GQ KN về LCNT

1. Trước khi có TB KQLCNT

- a) NT gửi Đơn đến CĐT đăng tải trên **HTM**;
- b) CĐT phải có VB GQ trong thời hạn 07 ngày LV, kể từ ngày nhận Đơn
- c) TH No đồng ý KQ GQ hoặc hết 7 ngày LV mà CĐT không có VB GQ => NT gửi Đơn đến NCTQ trong 05 ngày LV, kể từ ngày HH hoặc nhận VB GQ của CĐT;
- d) NCTQ phải có VB GQ trong thời hạn 05 ngày LV, kể từ ngày nhận Đơn

Điều 91. Quy trình GQ KN về LCNT

2. Sau khi có TB KQLCNT một trong hai quy trình

- a) NT gửi Đơn đến CĐT trong 10 ngày, kể từ ngày KQLCNT được ĐT HTM. CĐT phải có VB GQ trong 07 ngày LV kể từ ngày nhận Đơn.
- TH NT không đồng ý hoặc quá 7 ngày LV => NT gửi Đơn đến NCTQ thông qua BPTT trong 05 ngày LV, kể từ ngày HH hoặc ngày nhận VB CĐT. NCTQ GQ KN trong 05 ngày LV, kể từ ngày VB của Hội đồng;
- b) NT gửi Đơn NCTQ thông qua BPTT trong 10 ngày kể từ ngày KQ LCNT trên HTM. NCTQ ban hành QĐ GQ trong 05 ngày LV kể từ VB của HĐ.

Điều 91. Quy trình GQ KN về LCNT

3. Time GQ KN được tính từ ngày bộ phận hành chính nhận được Đơn hoặc trên HTM.

4. Trong TH cần thiết, HĐ căn cứ Đơn KN đề nghị NCTQ xem xét tạm dừng việc ký kết, thực hiện HĐ. TH chấp thuận, trong 05 ngày LV kể từ ngày nhận được VB, NCTQ có VB thông báo cho CĐT tạm dừng việc ký kết, thực hiện HĐ, trong đó xác định rõ time tạm dừng.

5. VB GQ KN phải có kết luận về nội dung mà NT KN; TH KN được kết luận là đúng thì trong VB GQ KN phải nêu rõ biện pháp, cách thức và time để khắc phục hậu quả (nếu có); NT có KN được nhận lại chi phí GQ KN đã nộp. TH KN của NT được kết luận là không đúng thì VB trả lời phải giải thích rõ lý do; NT có KN không được hoàn trả chi phí GQ KN đã nộp.

6. TH không đồng ý với QĐ GQ KN của NCTQ, CĐT, NT có quyền khởi kiện ra Tòa án.

Điều 93. Thành phần, trách nhiệm và hoạt động của Hội đồng TV GQ KN

1. Hội đồng TV GQ KN bao gồm

a) BT BKHĐT thành lập

b) BT, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP, CQ khác TW thành lập

c) Giám đốc SKHĐT thành lập

trong 05 ngày LV, nhận Đơn

2. Thành phần HĐ và BPTT

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần thiết) và các thành viên khác

Thành viên Hội đồng TV ko có QH gia đình theo LDN với Ng ký đơn, TCG, TTĐ, Ng phê duyệt KQ

b) CT là đại diện BKH; CT là đại diện CQ phụ trách ĐT, CT là đại diện SKHĐT

BPTT là đơn vị được giao quản lý về hoạt động ĐT (khác TCG, TTĐ). HC, Tiếp nhận, quản lý CP

Điều 93. Thành phần, trách nhiệm và hoạt động của Hội đồng TV GQ KN

3. Hội đồng TV GQ KN có trách nhiệm

a) BT BKHĐT thành lập => TV GQ KN trong TH Thủ tướng CP yêu cầu

b) BT, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP, CQ khác TW thành lập => TV GQ KN đối với tất cả GT thuộc DA, DTMS là NCTQ hoặc quản lý

c) Giám đốc SKHĐT thành lập => TV GQ KN đối với tất cả GT thuộc DA, DTMS trên địa bàn tỉnh

4. Hoạt động của Hội đồng TV GQ KN

a) hoạt động theo từng vụ việc, làm việc theo nguyên tắc tập thể và QĐ theo đa số. Thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình

b) có quyền yêu cầu NT, CĐT, BMT và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin

c) Kết quả GQ KN được gửi đến NCTQ trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày Hội đồng TV GQ KN được thành lập

Điều 94. Quyền khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

1. Việc khởi kiện ra Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự

2. Khi nộp đơn khởi kiện hoặc trong quá trình Tòa án GQ vụ kiện, các bên có quyền yêu cầu Tòa án tạm dừng việc đóng thầu; phê duyệt danh sách ngắn; phê duyệt kết quả LCNT, NĐT; ký kết HĐ; thực hiện HĐ và các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật

Điều 95. Hiệu lực thi hành

1. L có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024

2. Luật ĐT số 43 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 04/2017/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 64/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày L có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại Điều 96 của L

3. HĐ được ký kết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 của L được thực hiện trong thời hạn quy định tại HĐ nhưng không quá 05 năm kể từ ngày L có hiệu lực thi hành (LCNT thực hiện GT cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm và NT trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm đó theo yêu cầu của CĐT; NT không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng thiết bị y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)

Điều 96. Quy định chuyển tiếp

1. Các GT LCNT đã phê duyệt và phát hành HS mời QT, HS mời ST, HSMT, HS yêu cầu trước ngày L có hiệu lực thi hành thì tiếp tục TC lựa chọn danh sách ngắn, LCNT, ký kết và quản lý thực hiện HĐ theo quy định của Luật ĐT năm 2013 và các VB quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

4. HĐ mà NT trúng thầu vật tư, hóa chất có trách nhiệm cung cấp trang thiết bị y tế để sử dụng vật tư, hóa chất đó được ký kết trước ngày L có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện trong thời hạn quy định tại HĐ nhưng không quá 05 năm kể từ ngày L có hiệu lực thi hành

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !

